



NGUYỄN THỊ HỒNG NAM (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP
NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

Bài tập NGŨ' VĂN

6

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

timdapan.com

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP – NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

Bài tập NGỮ VĂN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
Bài 1. Lắng nghe lịch sử nước mình	3
Bài 2. Miền cổ tích	15
Bài 3. Vẻ đẹp quê hương	27
Bài 4. Những trải nghiệm trong đời.....	39
Bài 5. Trò chuyện cùng thiên nhiên	61

Chân trời sáng tạo

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Trình bày đặc điểm của văn bản (VB) truyện, VB truyền thuyết.
2. Ý nào dưới đây **không** thể hiện đặc điểm của nhân vật truyền thuyết?
 - a. Thường có những điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh,...
 - b. Nhân vật là những người bình thường, nghèo khổ.
 - c. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng.
 - d. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.
3. Đặc điểm nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của cốt truyện truyền thuyết?
 - a. Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.
 - b. Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật.
 - c. Thường kết thúc có hậu: thưởng phạt phân minh.
 - d. Cuối truyện thường gọi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại.
4. Đọc VB dưới đây và trả lời các câu hỏi bên dưới:

TRUYỆN THUYẾT VỀ NGỌC BÀ THIÊN Y ANA

Xưa, có hai vợ chồng một lão tiêu phu, tuổi đã cao mà vẫn chưa có con. Họ cất nhà trên núi Đại An, cạnh một cửa sông, sinh sống bằng việc đốn củi và phát rẫy trồng dưa trên triền núi. Nhiều lần thăm rẫy thấy hế trái dưa nào chín tới đều bị mất, ông lão có ý rình xem kẻ hái trộm dưa là ai.

Một đêm kia, dưới ánh trăng mờ, ông lão bỗng thấy một cô bé đang hái trộm dưa. Cô vừa hái dưa vừa tung lên trời để đùa nghịch. Ông lão bèn giữ lại hỏi, mới biết cô gái mồ côi cha mẹ sống lưu lạc ở vùng này. Thấy diện mạo cô bé khác với người thường, lại ở vào hoàn cảnh đáng thương, vợ chồng ông lão đem lòng thương mến và đem về làm con nuôi, thương quý như con đẻ.

của mình. Vợ chồng ông lão không hay biết rằng: chính cô bé mồ côi ấy là Thiên Y A Na hoá thân.

Đến một ngày kia vùng núi Đại An bị nạn hồng thuỷ, nước sông dâng lên một màu đỏ đục. Đứng trước cảnh tượng ấy, Thiên Y A Na bỗng nhớ tới cảnh tiên cung, mặt mày ủ dột, rồi để tự khuây khoả, Thiên Y A Na đi hái hoa quả trên núi, xếp đá lại, tạo nên một cảnh núi non giả, ngồi ngắm nghía và đùa nghịch để khỏi bận tâm đến cảnh thuỷ tai đang diễn ra quanh mình. Vì thế, Thiên Y A Na bị ông lão quở trách nặng lời. Hối hận vì mình đã làm cho cha mẹ nuôi phiền lòng, Thiên Y A Na đã dùng phép hoá thân, nhập vào khúc gỗ trầm đang trôi ra biển cả, rồi dạt vào bờ biển Bắc. Nhân dân địa phương thấy khúc gỗ quý, xúm nhau lại, định khiêng về, nhưng lạ thay hàng trăm người ghé vai vào đều khiêng không nổi.

Tin đồn đến tai thái tử miền nọ. Thái tử ra tận bờ biển nhắc thử, thì khúc gỗ được nhắc lên một cách nhẹ nhàng. Cho là điềm lạ, thái tử đem khúc gỗ về cung cất giữ coi như một vật quý hiếm. Một đêm nằm trần trọc mãi không sao ngủ được, thái tử định sang thư phòng xem sách, khi đi ngang qua vườn thượng uyển, bỗng thấy một cô gái trẻ, đẹp đang dạo chơi ở đó. Nghe tiếng động, cô gái vội vàng chạy về phía hoàng cung rồi biến mất. Nhưng vào một đêm khác, cô gái xuất hiện. Thái tử có ý bí mật theo dõi, dò xét để biết thực hư. Một cuộc gặp mặt diễn ra quá bất ngờ, cô gái không kịp hoá phép ẩn mình vào khúc gỗ, đành phải kể lại lai lịch của mình cho thái tử nghe. Thái tử đem lòng thương yêu cô gái. Tin này liền đến tai vua cha. Nhà vua cho mời thầy đoán quẻ. Thấy có điềm lành, vua liền cho kết duyên vợ chồng.

Sau mấy năm trời chung sống hạnh phúc nơi đất Bắc, Thiên Y A Na vẫn nhớ về vườn dưa, nơi cha mẹ nuôi sống lam lũ, hiu quạnh. Nỗi thương nhớ thôi thúc Thiên Y A Na trốn thái tử, bỏ hoàng cung, cùng hai con biến vào khúc gỗ trầm, theo dòng nước biển trôi về quê hương người Chăm-pa ở cửa biển Cù Huân.

Nhưng khi trở về Đại An, bà mới biết rằng cha mẹ nuôi đã qua đời từ lâu. Thiên Y A Na bèn lập miếu thờ hai ông bà trên núi Đại An. Trong thời gian ngắn ngủi lưu lại ở Đại An, bà đã tạo lập vườn tược nơi đất cũ, bày dân làng cách làm ruộng, cách chữa bệnh và nuôi dạy con cái. Sau đó Thiên Y A Na tự tạc tượng mình bằng khúc gỗ trầm dựng trên núi Cù Lao, rồi cùng hai con ra đi. Về sau, dân chúng xứ này đem tượng đó vào miếu để thờ.

Thái tử biển Bắc, từ khi xa cách vợ con, lòng nhớ thương sầu muộn khôn nguôi, quên ăn, quên ngủ. Thái tử bèn xin cha mẹ cấp cho một đội chiến thuyền, hướng về Nam, giông buồm chạy suốt ngày đêm để tìm tung tích mẹ con Thiên Y A Na. Khi thuyền tới biển Cù Huân, thái tử cho người lên núi hỏi thăm dân chúng về Thiên Y A Na. Nhưng từ lâu lắm, dân chúng đã không thấy tăm tích của Bà đâu nữa. Chỉ biết rằng Bà rất linh ứng. Người ta đồn rằng Thiên Y A Na lúc thì cưỡi voi trắng dạo chơi trên đỉnh núi, lúc thì hiện thành hình tấm lụa trắng bay trên không trung, có lúc lại cưỡi cá sấu qua lại giữa Cù Lao và Hòn Yến. Trước mỗi lần Bà hiển linh như vậy, thường có mây tiếng nổ to như sấm, tiếp đến, hào quang rực sáng cả một vùng.

Nhân dân địa phương nhớ ơn công đức của Thiên Y A Na, tôn xưng là “Ngọc Bà” hay “Thánh mẫu”. Họ bỏ bao công sức và tâm huyết xây một ngôi tháp thật đẹp và uy nghi trên ngọn núi thiêng, nơi tiếp giáp với cửa sông, gọi là Tháp Bà. Ngôi tháp ấy là để thờ Bà, nhưng cũng để thờ Thái tử, chồng bà (tức thờ Ông), thờ vợ chồng ông lão tiểu phu (cha mẹ nuôi), cùng hai con của Bà. Trải qua mưa nắng thời gian, ngôi tháp đó vẫn tồn tại bền vững uy nghi cho đến tận ngày nay.

(Theo Trần Việt Kinh, *Văn hoá dân gian Khánh Hoà*, NXB Văn hoá dân tộc, 2012)

- a. Vì sao Thiên Y A Na được dân trong vùng tôn xưng là “Ngọc Bà” hay “Thánh mẫu”?
- b. Những đặc điểm nào ở nhân vật Thiên Y A Na trong VB trên giúp em nhận biết đó là nhân vật truyền thuyết?
- c. Theo em, về cốt truyện, *Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na* đã thể hiện những đặc điểm nào của cốt truyện truyền thuyết?
- d. Tìm một số dẫn chứng cho thấy truyện có sử dụng yếu tố kì ảo và cho biết tác dụng của chúng trong VB trên.
- đ. VB trên tuy không sử dụng lời của nhân vật, nhưng đặc điểm của các nhân vật vẫn được thể hiện rõ. Tại sao?

II. TIẾNG VIỆT

1. Trình bày khái niệm từ đơn, từ phức, từ láy, từ ghép.

2. Xác định từ đơn, từ ghép, từ láy trong các đoạn văn sau:

a. *Một đêm nằm trần trọc mãi không sao ngủ được, Thái tử định sang thư phòng xem sách, khi đi ngang qua vườn thượng uyển, bỗng thấy một cô gái trẻ, đẹp đang dạo chơi ở đó. Nghe tiếng động, cô gái vội vàng chạy về phía hoàng cung rồi biến mất. Nhưng vào một đêm khác, cô gái xuất hiện. (Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na)*

b. *Lang Liêu tinh dầy, vô cùng mịn màng. Bèn làm theo lời thần dẫn, chọn gạo nếp thật tốt làm bánh vuông để tượng hình Đất, bỏ vào chảo chưng, cho nên gọi là bánh chưng. Rồi giã xôi làm bánh tròn, để tượng hình Trời, gọi là bánh giầy. Còn lá xanh bọc ngoài và nhân ở trong ruột là tượng hình cha mẹ yêu thương đùm bọc con cái. (Bánh chưng, bánh giầy)*

3. Theo em, “bánh vuông” hoặc “bánh tròn” trong đoạn b có phải là từ phức hay không? Vì sao em cho là như vậy?

4. Trong thực tế giao tiếp, việc sử dụng từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy có những khác biệt về mức độ thông dụng. Em hãy đánh dấu x vào các nhận định đúng, sai về mức độ thông dụng của chúng ở các ô tương ứng trong bảng dưới đây:

Câu	Trong giao tiếp, người nói, người viết thường...	Đúng	Sai
a	ít khi chỉ sử dụng toàn là các từ đơn.		
b	ít khi chỉ sử dụng toàn là từ phức.		
c	ít khi sử dụng toàn từ láy.		
d	ít khi sử dụng toàn từ ghép.		
đ	ít khi kết hợp sử dụng từ đơn và từ phức.		
e	kết hợp sử dụng từ đơn và từ phức.		
g	kết hợp sử dụng cả từ đơn và từ ghép.		
h	kết hợp sử dụng từ đơn với từ ghép hoặc từ láy.		

5. Trong câu văn “Đến ngày hẹn, các hoàng tử đều đem đủ thứ của ngon vật lạ bày trên mâm cỗ mình làm để dự thi”, cụm từ “của ngon vật lạ” có phải thành ngữ không? Tìm một cụm từ có nghĩa tương tự để thay thế cho cụm từ “của ngon vật lạ” mà không làm cho nghĩa của câu thay đổi.

6. Tạo từ ghép từ các tiếng gốc dưới đây và nhận xét về sự khác biệt giữa nghĩa của các từ ghép vừa tạo ra so với nghĩa của các tiếng gốc (từ đơn):
a. *chơi*; b. *vườn*; c. *sách*; d. *múi*.
7. Tạo từ láy từ các tiếng gốc dưới đây và nhận xét về sự khác biệt giữa nghĩa của các từ láy vừa tạo ra so với nghĩa của các tiếng gốc (từ đơn): a. *trẻ*; b. *đẹp*; c. *động*; d. *ngủ*.
8. Truyện *Bánh chưng, bánh giầy* gợi nhắc cho em nhớ đến thành ngữ nào về hình dáng của “Trời” và “Đất” theo quan niệm dân gian.

III. VIẾT NGẮN

Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp một công trình văn hoá ở địa phương (một ngôi chùa, một ngọn tháp, một tượng đài nghệ thuật,...). Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai từ đơn, hai từ phức.

IV. VIẾT

1. Trình bày đặc điểm kiểu bài tóm tắt nội dung chính của VB bằng sơ đồ.
2. Tóm tắt nội dung chính của VB *Truyền thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na* bằng sơ đồ.

V. NÓI VÀ NGHE

1. Trình bày các bước thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có một giải pháp thống nhất.
2. Chuẩn bị ý kiến và tham gia buổi thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần tìm giải pháp thống nhất cho một trong các đề tài dưới đây:
 - Cần làm gì để hình thành thói quen đọc sách?
 - Trình bày một số giải pháp để giúp nhau tiến bộ trong học tập.
 - Nêu những phương pháp hiệu quả để hoàn thành việc học bài, làm bài trước khi đến lớp.
 - Học môn Ngữ văn thế nào cho hiệu quả?
 - Bạn có thể làm gì để góp phần xây dựng nếp sống văn minh, lịch sự trong trường học?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Mục *Tri thức đọc hiểu* (bài 1, *Ngữ văn 6, tập một*, tr. 17, 18) giải thích khá nhiều khái niệm hỗ trợ cho việc đọc VB truyện nói chung, VB truyền thuyết nói riêng.

Để đáp ứng đúng yêu cầu của bài tập, em lưu ý các điểm sau:

- Lựa chọn một số khái niệm em cho là quan trọng.
- Nhắc lại khái niệm liên quan đến *truyện* trước, khái niệm liên quan đến *truyền thuyết* sau. Ví dụ: từ *nhân vật* đến *nhân vật truyền thuyết*, từ *cốt truyện* đến *cốt truyện truyền thuyết*,... Làm như thế, em sẽ có ý thức đối chiếu đặc điểm riêng của truyền thuyết với đặc điểm chung của truyện, đối chiếu cách đọc truyền thuyết nói riêng với cách đọc truyện nói chung.

2. Đọc lại phần đặc điểm của nhân vật truyền thuyết để chọn câu trả lời đúng (b).

3. c.

4.

a. Dựa vào công lao của Thiên Y A Na để tìm câu trả lời.

b. Dựa vào mục *nhân vật truyền thuyết* trong *Tri thức đọc hiểu* (bài 1, *Ngữ văn 6, tập một*, tr. 18), em đối chiếu các đặc điểm của nhân vật truyền thuyết nói chung với đặc điểm của nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na để tìm ra các biểu hiện cụ thể của nhân vật truyền thuyết qua nhân vật này. Em có thể làm việc này theo nhiều cách. Chẳng hạn:

– Cách 1: Nêu lại các đặc điểm của nhân vật truyền thuyết trước, sau đó lần lượt nêu các biểu hiện cụ thể của chúng qua nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na. Tức là trình bày theo trình tự:

+ Các đặc điểm của nhân vật truyền thuyết (a, b,...).

+ Biểu hiện cụ thể của nhân vật truyền thuyết qua nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na (a, b,...).

– Cách 2: Lần lượt chỉ ra biểu hiện của từng đặc điểm nhân vật truyền thuyết qua nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na. Tức là trình bày theo trình tự:

+ Đặc điểm thứ nhất của nhân vật truyền thuyết và biểu hiện của đặc điểm này qua nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na.

+ Đặc điểm thứ hai của nhân vật truyền thuyết và biểu hiện của đặc điểm này qua nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na.

+ ...

Theo cách 2, ta có câu trả lời:

– Ngọc Bà Thiên Y A Na, gắn với lịch sử xa xưa của vùng núi Đại An (Nha Trang, Khánh Hoà ngày nay) là người có công khai lập vùng đất vườn dưa, dạy cho dân cách trồng trọt, ... góp phần phát triển vùng đất này. (Đặc điểm thứ nhất của nhân vật truyền thuyết).

– Cũng vì vậy, nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na, được dân trong vùng truyền tụng, tôn thờ. (Đặc điểm thứ hai của nhân vật truyền thuyết).

c. Đọc lại phần đặc điểm của cốt truyện truyền thuyết để trả lời.

d. Em nên thực hiện bài tập này theo hai bước:

Bước 1: Xác định yếu tố kì ảo.

Bước 2: Nhận xét tác dụng của việc sử dụng yếu tố kì ảo. Chẳng hạn:

– Trong *Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na*, các chi tiết kì ảo là khả năng biến hoá của nhân vật chính (nhập vào và thoát ra khỏi khúc gỗ trầm hương một cách dễ dàng, đến hay đi đều bất ngờ, khi Bà hiển linh có tiếng nổ, ...).

– Tác dụng của yếu tố kì ảo là:

+ Làm nổi bật về kì ảo của nhân vật Ngọc Bà Thiên Y A Na.

+ Tạo những tình huống, sự việc bất ngờ, làm cho truyện thêm hấp dẫn, lôi cuốn, ...

đ. Trong VB truyện nói chung, truyền thuyết nói riêng, tác giả có thể miêu tả nhân vật bằng nhiều yếu tố như lời của người kể chuyện, lời của nhân vật. Trong đó lời của nhân vật chỉ là yếu tố phụ, không nhất thiết phải có, còn lời của người kể chuyện là yếu tố quyết định, không thể thiếu.

Trong *Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na*, nhờ lời của người kể chuyện mà các nhân vật vẫn được thể hiện rõ.

II. TIẾNG VIỆT

1. Học sinh (HS) tự trả lời.

2. Bài tập này yêu cầu em xác định một số từ đơn, từ ghép, từ láy trong hai đoạn văn (a và b). Em có thể liệt kê từ đơn, từ ghép, từ láy thành ba dãy từ theo cách gạch đầu dòng hoặc theo cách lập bảng. Điều quan trọng là không được nhầm lẫn từ phức với một tập hợp từ đơn không phải từ phức, không nhầm lẫn từ ghép với từ láy.

Dưới đây là ví dụ liệt kê theo dãy (gạch đầu dòng) một số từ đơn, từ ghép, từ láy trong đoạn (a).

– Từ đơn: *một, đêm, nằm, ngủ, vườn, bông, thấy, ở, đó, một, trẻ, đẹp, ...*

– Từ ghép: *Thái tử, thư phòng, thượng uyển, cô gái, dạo chơi, hoàng cung, xuất hiện, ...*

– Từ láy: *trần trọc, vội vàng.*

Thực hiện tương tự với đoạn (b).

3. Để trả lời câu hỏi này, em có thể căn cứ trên sự khác biệt giữa từ phức và một nhóm từ đơn độc lập đứng cạnh nhau như: một bên có tính chất chẽ (từ phức) một bên có tính lỏng lẻo (tập hợp từ không phải từ phức). Trường hợp “bánh vuông” cũng như “bánh tròn” trong đoạn (b) không phải là từ láy, cũng không phải là từ ghép. Chúng là các tập hợp từ đơn độc lập đứng cạnh nhau, nên dễ dàng xen thêm các từ đơn, ví dụ các từ “có hình” vào giữa: “bánh có hình vuông”, “bánh có hình tròn”, ...

4.

– Các nhận định đúng: a, b, c, d, e, g, h.

– Nhận định sai: đ (Trong giao tiếp, người nói, người viết thường ít khi kết hợp sử dụng từ đơn và từ phức).

Kết quả đánh dấu đúng như sau:

Câu	Trong giao tiếp, người nói, người viết thường...	Đúng	Sai
a	ít khi chỉ sử dụng toàn là các từ đơn.	x	
b	ít khi chỉ sử dụng toàn là từ phức.	x	

c	ít khi sử dụng toàn từ láy.	x	
d	ít khi sử dụng toàn từ ghép.	x	
đ	ít khi kết hợp sử dụng từ đơn và từ phức		x
e	kết hợp sử dụng từ đơn và từ phức.	x	
g	kết hợp sử dụng cả từ đơn và từ ghép.	x	
h	kết hợp sử dụng từ đơn với từ ghép và (hoặc) từ láy.	x	

5.

– Trong câu văn “Đến ngày hẹn, các hoàng tử đều đem đủ thứ của ngon vật lạ bày trên mâm cỗ mình làm để dự thi”, cụm từ “của ngon vật lạ” là một thành ngữ.

– Cụm từ có thể thay thế cho “của ngon vật lạ” mà không làm cho nghĩa của câu thay đổi là: “sơn hào hải vị”, “món ăn quý hiếm”,...

III. VIẾT NGẮN

Cách làm:

- Chọn một công trình văn hoá ở địa phương, tìm thông tin về công trình đó.
- Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của mình về công trình.
- Chú ý sử dụng từ đơn, từ phức khi viết.

IV. VIẾT

1. Xem lại bài tóm tắt nội dung chính của VB *Thánh Gióng* bằng sơ đồ trong sách giáo khoa (SGK) *Ngữ văn 6, tập một* để trả lời câu hỏi.

2. Em hãy thực hiện các công việc sau:

– Đọc lại VB *Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na* để nắm được nội dung chính của VB này.

– Xác định tổng số phần, đoạn, ý chính của VB (tương đương với chuỗi sự việc được kể trong VB) và mối quan hệ giữa các phần, đoạn, ý chính.

– Từ đó dự kiến số phần, đoạn, ý chính (số sự việc) sẽ được tóm tắt trong sơ đồ.

– Chọn từ khoá thể hiện được nội dung các phần, đoạn, ý chính.

– Vẽ sơ đồ.

Tham khảo hai sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 1. Tóm tắt VB *Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na*
(theo các sự việc chính của cốt truyện)

Tên VB: *Truyện thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na*

Nội dung chính:

Truyện kể về sự tích Tháp Bà Nha Trang, qua đó ca ngợi công đức của Ngọc Bà Thiên Y A Na.

1. Lão tiểu phu phát hiện kẻ trộm dưa vườn nhà mình là một cô gái và nhận làm con nuôi. Kì thực, đó là Thiên Y A Na hoá thân.

2. Một hôm ông tiểu lỗ lời quở trách con nuôi là kẻ vô tâm. Cô gái buồn bã, ân hận hoá phép nhập vào khúc gỗ trầm, trôi dạt đến bờ biển Bắc xa xôi.

3. Thái tử biển Bắc phát hiện người ẩn trong khúc gỗ trầm kia là một cô gái xinh đẹp, cưới nàng làm vợ, sinh hạ được hai con.

4. Thiên Y A Na cùng theo hai con tìm về thăm lại cha mẹ nuôi, nhưng hai ông bà đã qua đời. Nàng lập miếu thờ cha mẹ, tạo lập vườn tược nơi đất cũ, bày dân làng cách làm ruộng, cách chữa bệnh và nuôi dạy con cái.

5. Nhân dân địa phương tôn xưng Bà là “Ngọc Bà” hay “Thánh mẫu”, xây tháp thờ Bà cùng những người thân của Bà ở một ngọn núi cao nơi cửa biển Nha Trang. Tháp ấy có tên là Tháp Bà.

Sơ đồ 2. Tóm tắt VB Truyền thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na
(theo hành động của nhân vật chính)

Tên VB: Truyền thuyết về Ngọc Bà Thiên Y A Na

Nội dung chính:

Truyện kể về sự tích Tháp Bà Nha Trang, qua đó ca ngợi công đức của Ngọc Bà Thiên Y A Na.

1. Thiên Y A Na hoá thân làm cô gái mồ côi được vợ chồng lão tiểu phu nhận làm con nuôi.

2. Thiên Y A Na bị quở trách, hoá thân vào khúc gỗ trầm trôi dạt về biển Bắc.

3. Thiên Y A Na kết hôn với thái tử biển Bắc, sinh hạ được hai con.

4. Thiên Y A Na về quê thăm cha mẹ nuôi và giúp dân trong vùng.

5. Nhân dân địa phương biết ơn, xây Tháp Bà để thờ Thiên Y A Na và những người thân của Bà.

Lưu ý:

Dù vẽ sơ đồ tóm tắt bằng cách nào thì các em cũng phải sử dụng được một số từ khoá như:

– Tên các nhân vật, địa danh (Thiên Y A Na, vợ chồng ông tiểu, thái tử, biển Bắc, ...).

– Các sự kiện chính theo diễn biến hành động của nhân vật: được nhận làm con nuôi, hoá thân và ra đi, kết hôn và sinh con, trở về và giúp dân, được dựng tháp thờ.

Sau khi tóm tắt xong em hãy tự kiểm tra lại sơ đồ theo các tiêu chí sau:

- Bao quát được nội dung chính của VB.
- Tương ứng về số phần, đoạn, ý chính giữa sơ đồ và VB.
- Sử dụng các từ khoá phù hợp để tóm tắt.
- Thể hiện rõ mối quan hệ giữa các phần, đoạn, ý chính của VB.

VI. NÓI VÀ NGHE

1. Xem lại hướng dẫn trong SGK về các bước thảo luận trong nhóm để trả lời câu hỏi.

2. Bài tập *Chuẩn bị ý kiến và tham gia buổi thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần tìm giải pháp thống nhất* gồm hai yêu cầu:

Yêu cầu thứ nhất: chuẩn bị ý kiến của mình để tham gia thảo luận.

Yêu cầu thứ hai: tham gia thảo luận (phát biểu ý kiến của em và thảo luận, phản hồi ý kiến của bạn khác trong nhóm để đưa ra kết luận về giải pháp thống nhất cho vấn đề).

Đối với yêu cầu thứ nhất, em cần:

- Chọn một trong số các đề tài mà SGK đã cho hoặc chọn đề tài khác mà em quan tâm.
- Chuẩn bị ý kiến của mình để phát biểu, trao đổi trong nhóm.
- Tập trình bày ý kiến của mình.

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Hoàn thành bảng sau để so sánh đặc điểm cốt truyện truyền thuyết và cốt truyện cổ tích.

	Cốt truyện truyền thuyết	Cốt truyện cổ tích
Điểm giống nhau		
Điểm khác nhau		

2. Đặc điểm nào sau đây là của nhân vật cổ tích?

- a. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn với cộng đồng.
- b. Thường thuộc kiểu nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, nhân vật thông minh,...
- c. Thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá.
- d. Thường được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.

3. Nối các khái niệm ở cột A với nội dung khái niệm tương ứng ở cột B.

A (Các khái niệm)	B (Nội dung khái niệm)
1. Đề tài	a. là phần lời người kể dùng để thuật lại một sự việc cụ thể hay giới thiệu, miêu tả khung cảnh, con người, sự vật,...
2. Chủ đề	b. là lời nói trực tiếp của các nhân vật trong truyện.
3. Người kể chuyện	c. là vấn đề chính mà VB nêu lên qua một hiện tượng đời sống.
4. Lời của người kể chuyện	d. là hiện tượng đời sống được miêu tả, thể hiện qua VB.
5. Lời của nhân vật	đ. là vai do tác giả tạo ra để kể các sự việc.

4. Đọc truyện *Sọ Dừa* (SGK Ngữ văn 6, tập một) và tóm tắt thành một VB ngắn gọn.
5. Trong truyện *Em bé thông minh* (SGK Ngữ văn 6, tập một), em bé đã vượt qua những thử thách nào? Các thử thách ấy có ý nghĩa gì trong việc thể hiện phẩm chất của nhân vật em bé thông minh?
6. Theo em, chủ đề của truyện *Em bé thông minh* (SGK Ngữ văn 6, tập một) là gì?
7. Đọc VB sau và trả lời các câu hỏi:

HÀ RÀM HÀ RẠC

Ngày xưa, ở một nhà nọ có hai anh em sống với nhau. Cha mẹ họ mất sớm, để lại một gia sản cũng vào hạng khá trong vùng. Ít lâu sau, người anh lấy vợ. Anh bảo em:

– Bây giờ đã đến lúc phải chia gia tài ra để cho mày học ăn học làm với người ta.

Đến ngày chia của, anh chia ra một tờ giấy, bảo em:

– Cửa cái của cha mẹ để lại có ba giống: giống đực, giống cái và giống con. Mày bé bỏng nên tao nhường cho mày tất cả những đồ đạc giống đực, còn giống cái và giống con thì phần tao, nghe chưa? Nếu mày bằng lòng thì kí vào đây!

Em ngây thơ tưởng là anh thương mình thật nên không nghi ngờ gì cả, kí ngay vào giấy. Cuộc chia của bắt đầu. Nhưng đồ vật nào mà chẳng gọi là “cái” hay là “con”. Người anh đếm mãi:

– Cái nhà này: của tao, con trâu này: của tao, cái chum này: của tao, cái cày, cái búa này: của tao...

Suốt từ sáng đến chiều, những của chim của nôi chia đã sắp vội đi mà vẫn chưa có một vật nào thuộc giống đực cả. Mãi đến lúc trời đã tối, người em tức mình mới chụp lấy một cây dao rựa dựng ở bờ hè mà nói rằng:

– Đây là “đực rựa” thuộc về phần tôi!

Nói xong, người em vác rựa lúi lũi đi ra giữa lúc người anh cười ha hả vì thấy mưu kế của mình đã đạt.

Từ đây, người em ngày ngày vác rựa vào rừng chặt củi làm kế sinh nhai. Vì không có nhà ở nên anh ta phải ăn nhờ ở đậu hết nhà người bà con này qua người quen khác. Có hôm phải nằm đình nằm chùa, ngủ cầu ngủ quán như kẻ cầu bơ cầu bắt. Mặc dù khổ như vậy nhưng anh vẫn chăm chỉ làm ăn để khỏi phải ngửa tay ăn xin mọi người.

Một hôm, trăng non vừa mọc, anh đang ngủ say tỉnh dậy tưởng trời đã sáng, bèn vớ lấy rựa đi miết lên rừng. Đến cửa rừng mới hay là mình nhầm: trời vẫn còn khuya. Anh bèn nằm duỗi chân dưới một gốc cổ thụ đợi sáng, nhưng bỗng dưng ngủ quên lúc nào không hay. Anh chàng không ngờ rằng nơi đây là chôn chối của một bầy khi. Hôm ấy chúng cũng kéo nhau đến đây, nhưng khi thấy dưới gốc cây có một người lạ nằm thẳng đuồn thì tưởng là một thầy người; chúng bèn xúm nhau khiêng đi chôn để lấy chỗ nhảy nhót. Đang đi, anh chàng bỗng tỉnh giấc, toan la lên, nhưng thấy chuyện hay hay, nên cứ nằm im xem bọn khi khiêng mình đi đến đâu. Hồi lâu, anh nghe bầy khi dừng lại nói với nhau:

– Hà rằm hà rạc, chôn vào hồ bạc, không chôn hồ vàng!

Nhưng trong bầy khi có một con khi đột đứng đầu, bảo chúng:

– Hà rằm hà rạc, chôn vào hồ vàng, không chôn hồ bạc!

Thế là bầy khi lại tiếp tục khiêng anh tới một chỗ khác xa hơn. Đến nơi, chúng đặt anh xuống, rồi kéo nhau trở về gốc cổ thụ. Anh chàng nhìn thấy xung quanh mình có những cục vàng sáng chói thì mừng lắm, bèn chờ cho chúng đi khuất mới đứng dậy nhặt đầy túi mang về. Từ khi trở nên giàu có, anh chàng hết làm nhà cửa lại tậu ruộng vườn, nuôi trâu bò, cuộc đời muôn phần tươi hơn trước.

Câu chuyện một người tiều phu lên núi bắt được vàng từ đó lan đi khắp nơi. Người anh nghe nói nửa tin nửa ngờ. Một hôm vào ngày giỗ cha, hắn thấy em mình tìm đến mời về nhà ăn giỗ. Hắn vội vã nhận lời. Bước vào nhà em, người anh không giấu được kinh ngạc:

– Từ dạo ấy đến giờ chú mày làm thế nào mà phát tài dữ vậy?

Người em vui vẻ kể tỉ mỉ cho anh nghe câu chuyện lên rừng gặp khi, và từ hồ bạc tình cờ được chúng chuyển sang hồ vàng. Nghe xong, người anh mượn ngay cây rựa, và cũng chờ một đêm trăng non, một mình vác rựa lên cửa rừng. Hắn ta cũng giả vờ duỗi chân nằm dưới gốc cổ thụ nọ. Lát sau, quả

nhiên có một bầy khỉ đến nhảy nhót xung quanh gốc cây. Khi thấy có người lạ nằm choán chỗ chúng vui đùa, chúng cũng xúm lại khiêng đi chôn, vì tưởng rằng đó là một cái thây người chết. Nhưng đến lúc nghe bầy khỉ nói: “Hà rầm hà rạc, chôn vào hố bạc, không chôn hố vàng!” thì hấn vội ngừng đầu cãi lại:

– Chôn vào hố vàng chứ! Chôn vào hố vàng chứ!

Bầy khỉ không ngờ cái thây người vẫn còn sống, cuồng cuồng quẳng hấn xuống rồi bỏ chạy. Hấn bị lăn xuống sườn núi, đầu va vào đá, vỡ sọ chết.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 4, Viện Văn học xuất bản, 1993)

- Truyện này kể về kiểu nhân vật nào? Vì sao em xác định như vậy?
- Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Những từ ngữ nào cho em biết điều đó? Việc sử dụng ngôi kể đó có tác dụng gì?
- Trong đoạn văn sau đây, đâu là lời của người kể chuyện, đâu là lời của nhân vật?

Người em vui vẻ kể tỉ mỉ cho anh nghe câu chuyện lên rừng gặp khỉ, và từ hố bạc tình cờ được chúng chuyển sang hố vàng. Nghe xong, người anh mượn cây rựa, và cũng chờ một đêm trăng non, một mình vác rựa lên cửa rừng. Hấn ta cũng giả vờ đuổi chân nằm dưới gốc cổ thụ nọ. Lát sau, quả nhiên có một bầy khỉ đến nhảy nhót xung quanh gốc cây. Khi thấy có người lạ nằm choán chỗ chúng vui đùa, chúng cũng xúm lại khiêng đi chôn, vì tưởng rằng đó là một cái thây người chết. Nhưng đến lúc nghe bầy khỉ nói: “Hà rầm hà rạc, chôn vào hố bạc, không chôn hố vàng!” thì hấn vội ngừng đầu cãi lại:

– Chôn vào hố vàng chứ! Chôn vào hố vàng chứ!

- Liệt kê vào bảng sau những hành động của người em và người anh ở từng sự việc:

Sự việc	Người em	Người anh
Phân chia tài sản		
Lên rừng và gặp bầy khỉ		

Qua các hành động trên, em hiểu được gì về phẩm chất của nhân vật người em và người anh?

đ. Liệt kê các yếu tố kì ảo trong truyện. Các yếu tố này có vai trò gì đối với số phận của nhân vật người em?

e. Sắp xếp các sự việc sau theo đúng trình tự xảy ra trong truyện bằng cách điền các chữ số vào sơ đồ:

- (1) Người anh lấy tất cả tài sản. Người em chỉ có cái rựa.
- (2) Một hôm, người em lên rừng gặp bầy khỉ và trở nên giàu có.
- (3) Xưa, ở gia đình nọ, cha mẹ mất sớm để lại một gia sản khá lớn cho hai anh em.
- (4) Người em không có nhà cửa, ruộng vườn nhưng rất chăm chỉ làm ăn.
- (5) Người anh nghe kể sự tình, lập tức bắt chước người em lên rừng tìm gặp bầy khỉ và bị quăng xuống vực sâu.
- (6) Ít lâu sau, người anh lấy vợ. Cuộc phân chia tài sản diễn ra.

Trình tự sự việc



g. Dựa vào sơ đồ trên, em hãy kể tóm tắt câu chuyện.

h. Theo em, chủ đề của truyện này là gì?

i. Em thích nhất chi tiết nào trong truyện này? Vì sao?

k. Em có suy nghĩ gì về kết thúc của câu chuyện?

II. TIẾNG VIỆT

1. Chọn câu trả lời đúng để điền vào chỗ trống trong câu sau:

Bên cạnh chức năng (1) ... cho sự việc trong câu, trạng ngữ còn có chức năng (2) ... các câu trong một đoạn, làm cho đoạn văn được liền mạch.

- a. (1) nhấn mạnh ý nghĩa – (2) bổ sung thông tin
- b. (1) bổ sung ý nghĩa – (2) liên kết
- c. (1) bổ sung chi tiết – (2) kết hợp
- d. (1) cung cấp thông tin – (2) nhấn mạnh

2. Cho các cặp câu sau đây:

a1. Người anh lấy vợ.

a2. *Ít lâu sau*, người anh lấy vợ.

b1. Người em ngày ngày vác rựa vào rừng chặt củi làm kế sinh nhai.

b2. *Từ đó*, người em ngày ngày vác rựa vào rừng chặt củi làm kế sinh nhai.

c1. Hắn thấy em mình tìm đến mời về nhà ăn giỗ.

c2. *Một hôm vào ngày giỗ cha*, hắn thấy em mình tìm đến mời về nhà ăn giỗ.

– Em hãy chỉ ra sự khác nhau ở từng cặp câu trên.

– Phần trạng ngữ đó có tác dụng gì trong câu?

3. Cho hai đoạn văn sau:

a. Anh chàng nhìn thấy xung quanh mình có những cục vàng sáng chói thì mừng lắm, bèn chờ cho chúng đi khuất mới đứng dậy nhặt đầy túi mang về. Anh chàng hết làm nhà cửa lại tậu ruộng vườn, nuôi trâu bò, cuộc đời muôn phần tươi hơn trước.

b. Anh chàng nhìn thấy xung quanh mình có những cục vàng sáng chói thì mừng lắm, bèn chờ cho chúng đi khuất mới đứng dậy nhặt đầy túi mang về. *Từ khi trở nên giàu có*, anh chàng hết làm nhà cửa lại tậu ruộng vườn, nuôi trâu bò, cuộc đời muôn phần tươi hơn trước.

– Em hãy so sánh xem có gì khác nhau giữa hai đoạn văn.

– Phần trạng ngữ đó có tác dụng gì trong câu?

– Phần trạng ngữ đó có tác dụng gì trong đoạn văn?

4. Hãy hoàn chỉnh đoạn văn sau bằng cách thêm các trạng ngữ cho sẵn vào chỗ trống: *sau đó*, *trên các nẻo đường*, *ít lâu sau*.

(a)....., nhà vua mở hội luôn mấy đêm ngày. Già trẻ trai gái các làng đều nô nức đi xem. (b)....., quần áo mới ba mới bảy đập đều tuôn về kinh như nước chảy. Hai mẹ con Cám cũng sắm sửa quần áo đẹp để đi trẩy hội. Thấy Tấm cũng muốn đi, mẹ dì ghẻ nguyệt dài. (c)....., mẹ lấy một đầu gạo trộn lẫn với một đầu thóc, bảo Tấm...

Em có nhận xét gì về ý nghĩa của câu văn, đoạn văn sau khi đã thêm các trạng ngữ?

5. Viết một đoạn văn khoảng 5 đến 6 câu, trong đó sử dụng ít nhất 2 trạng ngữ. Chỉ ra tác dụng của các trạng ngữ đó trong câu văn, đoạn văn.

III. VIẾT NGẮN

Viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) nói về cảm nghĩ của em khi đọc truyện cổ tích *Hà rằm hà rạc*.

IV. VIẾT

1. Theo em, khi làm bài viết kể lại một truyện cổ tích có cần lập dàn ý hay không? Vì sao?
2. Trong bài thơ *Chuyện cổ nước mình* có câu:

*Ở hiền thì lại gặp hiền,
Người ngay thì gặp người tiên độ trì.*

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

Câu thơ trên gợi cho em nhớ đến truyện cổ tích nào nhiều nhất? Hãy kể lại truyện đó.

V. NÓI VÀ NGHE

1. Theo em, việc kể lại một truyện cổ tích bằng cách viết và bằng cách nói có gì khác nhau không? Nếu có, những điểm khác đó là gì? Từ những điểm khác đó, em rút ra được kinh nghiệm gì cho bài nói của mình?
2. Trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, có nhiều truyện về người mang lột vật. Em hãy chọn một truyện để kể cho các bạn trong lớp nghe.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. HS đọc *Tri thức đọc hiểu* phần đặc điểm cốt truyện truyền thuyết (bài *Lắng nghe lịch sử nước mình*) và đặc điểm cốt truyện cổ tích (bài *Miền cổ tích*) để hoàn thành bảng so sánh.

2. b.

3. 1 – d, 2 – c, 3 – đ, 4 – a, 5 – b.

4. Để tóm tắt truyện *Sọ Dừa* (SGK *Ngữ văn 6, tập một*), HS cần thực hiện các thao tác sau:

(1) Đọc kĩ truyện. Trong khi đọc, cố gắng nắm bắt ý tưởng chính của câu chuyện và trả lời các câu hỏi “*Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu?*” để tìm thông tin cơ bản về câu chuyện.

(2) Trả lời câu hỏi để tìm nhân vật chính của truyện: *Câu chuyện này chủ yếu kể về ai?*

(3) Trả lời câu hỏi để xác định bối cảnh của truyện (không gian, thời gian xảy ra câu chuyện): *Câu chuyện xảy ra ở đâu, khi nào?*

(4) Để xác định các sự kiện liên quan đến nhân vật chính. Trả lời câu hỏi: *Có những sự việc nào đã xảy ra xoay quanh nhân vật chính? Nhân vật chính mâu thuẫn/ xung đột với ai/ điều gì? Nhân vật chính đã làm gì để vượt qua những thử thách ấy? Câu chuyện đã kết thúc ra sao? Có thể nối kết các sự việc chính bằng những từ ngữ chuyển tiếp như: đầu tiên, sau đó, kế tiếp, cuối cùng...*

5. HS đọc VB và xác định các thử thách cũng như “*chuyến hành động*” để vượt qua thử thách của em bé. HS cần chú ý lọc ra những hành động nổi bật của nhân vật. Qua đó, phân tích và nêu lên những cảm nhận, suy luận của mình về phẩm chất của nhân vật này (*em bé rất thông minh, giải quyết vấn đề rất nhanh nhẹn, tinh cách ngây thơ, hồn nhiên, biết giúp đỡ mọi người khi cần thiết, ...*). Tiếp theo, tìm hiểu ý nghĩa của các thử thách ấy trong việc thể hiện phẩm chất của nhân vật em bé thông minh bằng cách tự trả lời câu hỏi sau: *Nếu không có những thử thách ấy thì phẩm chất của nhân vật em bé thông minh có được bộc lộ không? Vì sao?* Từ đây, HS có thể giải thích thêm về mối quan hệ chặt chẽ giữa các tình tiết, nhân vật, cốt truyện, ... với nhau trong cùng một tác phẩm.

6. HS xác định chủ đề của truyện bằng cách đọc lại VB, trả lời các câu hỏi: *Truyện này kể về ai? Nội dung nổi bật của truyện là gì? Tác giả dân gian muốn nói điều gì qua truyện này?...*

7. a. HS xem lại *Tri thức đọc hiểu* về kiểu nhân vật trong truyện cổ tích (SGK Ngữ văn 6, tập một, bài *Miền cổ tích*) và dựa vào nhân vật chính của truyện *Hà rằm hà rạc* để xác định kiểu nhân vật của truyện cổ tích này.

b. HS xem lại *Tri thức đọc hiểu* về người kể chuyện (SGK Ngữ văn 6, tập một, bài *Miền cổ tích*) để trả lời câu hỏi.

c. HS căn cứ vào *Tri thức đọc hiểu* về lời của người kể chuyện và lời của nhân vật (SGK Ngữ văn 6, tập một, bài *Miền cổ tích*) để xác định.

d. HS tự thực hiện bằng cách đọc kĩ lại VB và xác định hành động của nhân vật người em và người anh.

đ. HS xác định các yếu tố kì ảo trong truyện như: bầy khỉ biết nói chuyện với nhau và khiêng người em đến hồ vàng, hồ bạc. Vai trò của yếu tố kì ảo đối với số phận của nhân vật người em: giúp người em được đổi đời, đúng theo triết lí “ở hiền gặp lành”, dẫn đến kết thúc có hậu của truyện.

e. HS dựa vào nội dung câu chuyện để sắp xếp trình tự của các sự việc.

g. HS dựa vào các thao tác tóm tắt VB đã thực hiện ở câu 4 để thực hiện yêu cầu này.

h. Chủ đề của truyện *Hà rằm hà rạc*: Qua truyện cổ tích *Hà rằm hà rạc*, tác giả dân gian bày tỏ ước mơ về một xã hội công bằng, cải thiện chiến thắng cái ác, những con người lương thiện nhưng bất hạnh, yếu thế cuối cùng sẽ được hưởng hạnh phúc.

i. HS tự thực hiện.

k. HS có thể bày tỏ suy nghĩ theo định hướng sau: Kết thúc của *Hà rằm hà rạc* có hậu. Đây là kiểu kết thúc thường thấy trong truyện cổ tích, thể hiện ước mơ của người xưa về một xã hội công bằng, hạnh phúc.

II. TIẾNG VIỆT

1. b.

2. Sự khác nhau giữa các cặp câu và vai trò của trạng ngữ.

– Sự khác nhau ở từng cặp câu: câu thứ 2 trong mỗi cặp câu có thêm thành phần trạng ngữ.

– Các trạng ngữ đó có tác dụng bổ sung thông tin cho sự việc diễn ra trong câu, làm cho ý nghĩa của câu trở nên rõ ràng, đầy đủ hơn.

3. – Sự khác nhau giữa hai đoạn văn: đoạn b, câu 2 có thêm thành phần trạng ngữ.

– Trạng ngữ đó có tác dụng bổ sung thông tin cho sự việc diễn ra trong câu 2, làm cho ý nghĩa của câu 2 trở nên rõ ràng, đầy đủ hơn.

– Trong cả đoạn văn b, trạng ngữ đó có tác dụng liên kết câu 1 và 2 về mặt nội dung, cho thấy sự việc này diễn ra tiếp sau sự việc kia. Ý nghĩa của đoạn văn trở nên sáng rõ hơn.

4. Các trạng ngữ được thêm vào chỗ trống:

- a. Ít lâu sau
- b. Trên các nẻo đường
- c. Sau đó

– Nhận xét:

Ở phạm vi câu: Sau khi thêm trạng ngữ, các câu có thông tin đầy đủ hơn, vì vậy ý nghĩa trở nên rõ ràng hơn.

Ở phạm vi đoạn: Các câu được liên kết chặt chẽ hơn về nội dung (vì có đủ thông tin về thời gian, nơi chốn diễn ra các sự việc). Ý nghĩa của đoạn vì vậy trở nên sáng rõ hơn.

5. HS có thể viết đoạn văn với đề tài tự do, đảm bảo độ dài từ 5 đến 7 câu.

- Trong đoạn văn, sử dụng ít nhất 2 trạng ngữ.
- HS phân tích, suy luận để chỉ ra được tác dụng của các trạng ngữ trong từng câu.
- HS phân tích, suy luận để chỉ ra được tác dụng của các trạng ngữ trong cả đoạn.

III. VIẾT NGẮN

Gợi ý bài viết ngắn:

- Đoạn văn cần đảm bảo về dung lượng (khoảng 150 đến 200 chữ).
- Đoạn văn cần bám sát yêu cầu của đề bài: cảm nghĩ của bản thân HS khi đọc truyện cổ tích *Hà rằm hà rạc*. Lưu ý: HS không kể lại truyện, mà phải nói được cảm xúc, suy nghĩ của các em đối với các nhân vật, tình tiết, diễn biến,...
- Đoạn văn được viết rõ ràng, mạch lạc, đúng ngữ pháp, đúng chính tả, dùng từ phù hợp.

IV. VIẾT

1. HS tự trả lời.
2. HS thực hiện theo quy trình viết sau:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài: Em cần đọc kĩ đề bài để xác định:

– Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì? (Một truyện cổ tích thể hiện triết lí “ở hiền gặp lành” mà em ấn tượng nhất).

– Kiểu bài mà đề yêu cầu là gì? (Kể lại một truyện cổ tích)

Thu thập tư liệu: Em hãy nhớ lại các truyện cổ tích đã biết, đã học. Trong những truyện đó, truyện nào gây cho em ấn tượng sâu sắc nhất về việc “Ở hiền thì lại gặp hiền/ Người ngay thì gặp người tiên độ trì”?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tim ý: Em hãy đọc kĩ truyện đã chọn và trả lời các câu hỏi:

– Truyện có tên là gì? Vì sao em chọn kể lại truyện này?

– Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện như thế nào?

– Truyện có những nhân vật nào?

– Truyện gồm những sự việc nào? Các sự việc xảy ra theo trình tự nào?

– Truyện kết thúc như thế nào?

– Cảm nghĩ của em về truyện?

Lập dàn ý: Em hãy sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý. Cụ thể như sau:

Mở bài: Giới thiệu tên truyện, lí do muốn kể lại truyện

Thân bài: Trình bày nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Kể chuyện theo trình tự thời gian: – Sự việc 1; – Sự việc 2; – Sự việc 3; – Sự việc 4;...

Kết bài: Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý trên, viết thành một bài văn kể chuyện hoàn chỉnh. Khi viết cần đảm bảo thể hiện được các đặc điểm của kiểu bài kể lại một truyện cổ tích.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa: Sau khi viết xong, em có thể tự kiểm tra lại bài viết của mình (sử dụng *Bảng kiểm bài viết kể lại một truyện cổ tích* ở SGK).

Tiếp theo, đọc lại câu chuyện của mình lần thứ hai và kiểm tra, điều chỉnh bài viết bằng cách:

– Tìm và chỉnh sửa các lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ, lỗi ngữ pháp (nếu có).

– Em hãy trình bày bài viết cho các bạn trong nhóm nghe và nhờ bạn góp ý để bài viết hoàn chỉnh hơn.

– Tiếp theo, hãy đọc bài viết của các bạn khác và giúp bạn hoàn chỉnh VB theo cách mà em đã làm với bài của mình.

Rút kinh nghiệm: nếu được viết lại bài này, em sẽ điều chỉnh như thế nào để bài viết tốt hơn?

V. NÓI VÀ NGHE

1. HS tự thực hiện.

2. HS thực hiện theo gợi ý sau:

Trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, có nhiều truyện về người mang lột vật. Em hãy chọn một truyện để kể cho các bạn trong lớp nghe.

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

– Đề tài: kể lại một truyện cổ tích Việt Nam về người mang lột vật.

– Để xác định không gian và thời gian nói, em hãy trả lời câu hỏi: Em dự định sẽ nói ở đâu và trong thời gian bao lâu?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Ý tưởng cho bài nói chính là truyện cổ tích Việt Nam về người mang lột vật (*Sọ Dừa, Lấy vợ cóc, Lấy chồng dê,...*). Em hãy chọn một truyện, đọc thật kĩ, rồi tìm ý và lập dàn ý cho bài nói. Em có thể sử dụng hình ảnh, tranh vẽ để bài nói thêm sinh động.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Em hãy đứng trước gương để tập kể lại câu chuyện. Chú ý sử dụng giọng điệu phù hợp khi kể về các nhân vật, sự việc khác nhau. Kết hợp lời kể với cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để nội dung kể được hấp dẫn hơn.

Khi trình bày, em nên tóm tắt ngắn gọn nội dung nói dưới dạng từ, cụm từ và sắp xếp các nội dung ấy theo thứ tự, đồng thời lựa chọn những từ ngữ thích hợp với ngôn ngữ nói, tránh dùng ngôn ngữ viết hoặc đọc lại bài viết.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Trong vai trò người nghe và người kể câu chuyện, hãy dùng *Bảng kiểm bài nói kể lại một truyện cổ tích* trong SGK, tr. 60, để góp ý cho bạn và tự đánh giá bài kể của mình.

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Chọn câu trả lời đúng để điền vào những chỗ trống trong đoạn văn sau:
 Về cách gieo vần thông thường của một cặp câu lục bát, tiếng thứ (1) của dòng lục vần với tiếng thứ (2)..... của dòng bát kế nó, tiếng thứ (3)..... dòng bát vần với tiếng thứ (4)..... của dòng lục tiếp theo.
 - a. (1) sáu – (2) tư – (3) tám – (4) sáu
 - b. (1) sáu – (2) tám – (3) sáu – (4) sáu
 - c. (1) sáu – (2) sáu – (3) tám – (4) sáu
 - d. (1) sáu – (2) tư – (3) tám – (4) sáu

2. Em hãy hoàn chỉnh câu văn sau:
 Thơ lục bát là thể thơ, một cặp câu lục bát gồm có một dòng và một dòng

3. Trong một câu thơ lục bát, các tiếng nào sau đây phải tuân thủ quy định chặt chẽ về cách phối hợp thanh điệu?
 - a. Các tiếng ở vị trí 1, 3, 5, 7
 - b. Các tiếng ở vị trí 2, 4, 6
 - c. Các tiếng ở vị trí 6, 8
 - d. Các tiếng ở vị trí 2, 4, 6, 8

4. Dựa vào hiểu biết của em về cách gieo vần, luật bằng trắc và ngắt nhịp trong thơ lục bát, hãy xác định những VB sau có phải được viết theo thể thơ lục bát không. Hãy lí giải.
 - a. *Công đầu công uông, công thừa,
 Công đầu gánh nước tưới dĩa Tam Quan.
 Công đầu, công uông, công hoang,
 Công đầu gánh nước Tam Quan tưới dĩa.*

- b. *Bến Tre giàu mía Mô Cày*
Giàu nghêu Thạnh Phú, giàu xoài Cái Môn
Bến Tre biển cá, sông tôm,
Ba Tri muối mặn, Giồng Trôm lúa vàng.

(Theo Nguyễn Quốc Túy, Trần Gia Linh, *Tục ngữ – Ca dao – Dân ca chọn lọc*,
 NXB Giáo dục, 1993)

5. Dựa vào mô hình sau, em hãy xác định thanh điệu, vần điệu của hai câu lục bát:

Muốn ăn bông súng cá kho
Thì về Đồng Tháp ăn cho đã thèm.

(Tập san Khoa học Xã hội, số 05, 1998)

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục		Thanh:		Thanh:		Thanh:		
Bát						Thanh:		Thanh:
						Vần:		Vần:

6. Đọc bài thơ sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi.

Ngọt làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

(Tố Hữu, *Khi con tu hú*, theo Nguyễn Khắc Phi (TCB), *Ngữ văn 8, tập một*, NXB Giáo dục)

- a. Tác giả có thể thể hiện tình cảm, cảm xúc của mình một cách gián tiếp hoặc trực tiếp đối với sự vật, hiện tượng được miêu tả trong VB. Trong hai khổ thơ trên, khổ thơ nào thể hiện tình cảm gián tiếp và khổ nào thể hiện tình cảm trực tiếp của Tố Hữu? Dựa vào đâu mà em có nhận xét như vậy?
- b. Theo em, nét độc đáo của hình ảnh “ngọt dần” là gì?

7. Đọc các VB sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

- (1) *Bông sen mùa hạ nở hồng*
Dầu bìn, dầu cặn mà lòng vẫn thơm¹.

(Theo Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp, *Thơ văn Đồng Tháp, tập 1 (Trước 1945)*, NXB Tổng hợp Đồng Tháp, 1986)

- (2) *Quê em hai dải cù lao,*
Có dừa ăn trái, có cau ăn trầu
Quê anh có cửa biển sâu
Có ruộng lấy muối, có dâu muối tầm.

(Theo Nguyễn Quốc Túy, Trần Gia Linh, Sdd)

- (3) *Đứng bên ni² đồng, ngó bên tê³ đồng, mênh mông bát ngát,*
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông.
Thân em như chẻ lúa đòng đòng⁴,
Phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

(Theo *Ngữ văn 7, tập một*, Nguyễn Khắc Phi (TCB), NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

- (4) *Sông Tô⁵ một dải lượn vòng*
Ấy nơi liệt nữ anh hùng giáng sinh

¹ Câu hát về xã Mỹ Hoà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

² Ni (tiếng địa phương miền Trung): này.

³ Tê (tiếng địa phương miền Trung): kia.

⁴ Lúa đòng đòng: lúa sắp trở bông.

⁵ Sông Tô: sông Tô Lịch.

Sông Hồng uốn khúc chảy quanh
Giai nhân tài tử lừng danh trong ngoài.

(Theo Kho tàng Ca dao người Việt, Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (Chủ biên), tập 3
(từ NH đến Y), NXB Văn hoá – thông tin, Hà Nội, 1995)

- a. Xác định vẻ đẹp quê hương được thể hiện qua những VB trên và lí giải.
- b. Chỉ ra một nét độc đáo trong mỗi VB trên và cho biết vì sao đó lại là nét độc đáo của VB.

II. TIẾNG VIỆT

1. Nói cột A (thứ tự thực hiện) với cột B (nội dung thao tác) để xác định các thao tác lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết.

A (Thứ tự thực hiện)	B (Nội dung thao tác)
1	a. Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa; từ đó lựa chọn những từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện.
2	b. Xác định nội dung cần diễn đạt.
3	c. Cân nhắc khả năng kết hợp hài hoà giữa từ ngữ được lựa chọn với những từ ngữ được sử dụng trước và sau nó trong cùng một câu (đoạn) văn.

2. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong những câu sau và giải thích lí do lựa chọn:
 - a. Để điều trị căn bệnh này, đó là loại thuốc (*hiệu quả/ hiệu nghiệm*) nhất.
 - b. Đi học muộn là (*nhược điểm/ khuyết điểm*) của học sinh ấy.
 - c. Cô bé ấy có làn da (*trắng nõn/ trắng tinh*) và một mái tóc dài óng ả.
3. Hãy lí giải vì sao trong câu văn sau “Càng đồ gần về hương mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện” (Đoàn Giỏi, *Sông nước Cà Mau*), tác giả không dùng từ “san sát” mà lại dùng từ “chi chít”.

4. Trong cặp câu lục bát sau, vì sao Tô Hữu không dùng “ve kêu” mà lại dùng “ve ngân” và không dùng “nắng vàng” mà lại dùng “nắng đào”?

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào.*

(Tô Hữu, *Khi con tu hú*)

5. Cho đoạn thơ sau:

*Đeo thơm hạt gạo quê hương
Có cả “năm nắng mười sương” người trồng
Tùng bông rồi lại tùng bông
Trấu cong như dáng lưng còng mẹ ta.*

(Trần Đức Đủ, *Hương lúa quê ta*)

- a. Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.
b. Vì sao tác giả chọn dùng “trấu cong” mà lại không dùng “nặng cong” dù vẫn đảm bảo quy tắc phù hợp về thanh điệu trong câu bát?
6. Theo em, từ “trăm” và “nghìn” trong những câu thơ sau nên được hiểu như thế nào?

*Đất trăm nghề của trăm vùng
Khách phương xa tới lạ lòng tìm xem
Tay người như có phép tiên
Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*

(Nguyễn Đình Thi, *Bài thơ Hắc Hải* (1955 – 1958),
Tuyển thơ Nguyễn Đình Thi, NXB Văn học, 2001)

III. VIẾT NGẮN

Trong SGK có yêu cầu “Tìm năm đến sáu hình ảnh về quê hương Việt Nam trên internet hoặc sách báo để làm một tập ảnh về quê hương, đất nước hoặc nơi em đang sống. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem”.

Em hãy:

- Chọn một từ ngữ trong đoạn văn mà em cho là có thể diễn tả tốt nhất ý tưởng của mình. Lí giải vì sao chọn từ ngữ đó.
- Chọn một từ ngữ trong đoạn văn mà em cho là chưa diễn tả tốt nhất ý tưởng của mình. Thay bằng từ ngữ khác.

IV. VIẾT

Viết một đoạn văn khoảng 150 chữ, trình bày cảm xúc của em về bài ca dao sau:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

V. NÓI VÀ NGHE

Nếu có một người bạn nước ngoài muốn tìm hiểu về thể thơ lục bát, em sẽ nói gì với bạn ấy?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. c. (1) sáu – (2) sáu – (3) tám – (4) sáu

2. Câu văn hoàn chỉnh được gợi ý như sau:

Thơ lục bát là thể thơ có từ lâu đời của dân tộc Việt Nam, một cặp câu lục bát gồm một dòng lục và một dòng bát.

3. d. các tiếng ở vị trí 2, 4, 6, 8

4. Trong bài tập này, các VB đều được viết theo thể thơ lục bát vì chúng tuân thủ nguyên tắc gieo vần, luật bằng trắc, cách phối thanh và ngắt nhịp của thơ lục bát. HS cần phân tích sự thể hiện của các đặc điểm ấy trong các VB để giải thích, ví dụ đối với VB sau:

Tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu								
Lục		Thanh:		Thanh:		Thanh:		
						Vần:		

Bát		Thanh:		Thanh:		Thanh: Vần:		Thanh: Vần:
Lục		Thanh:		Thanh:		Thanh: Vần:		
Bát		Thanh:		Thanh:		Thanh: Vần:		

Cách ngắt nhịp: nhịp chẵn.

5. Làm tương tự bài tập 4.

6. a. Đoạn thơ mà tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc một cách gián tiếp: “Khi con tu hú gọi bầy... Đôi con diều sáo lộn nhào từng không”. Qua việc tác giả sử dụng những từ ngữ, hình ảnh miêu tả bức tranh thiên nhiên mùa hè, người đọc có thể cảm nhận được tâm trạng nao nức của tác giả khi nghe được những thanh âm đặc trưng của mùa hè.

– Đoạn thơ mà tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc một cách trực tiếp: “Ta nghe hè dậy bên lòng... Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”. Trong đoạn thơ có sử dụng một số từ ngữ trực tiếp miêu tả cảm xúc của tác giả “ngọt”, “chết uất thôi” và những từ ngữ, câu cảm thán như “hè ôi”, “Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”. Thế giới trong căn phòng giam chật chội đối lập với không gian ngồn ngộn sức sống ở bên ngoài phòng giam. Vì vậy, tác giả cảm nhận rất rõ cái không gian bên trong phòng giam ấy ngọt ngào. Trong hoàn cảnh đó, tiếng chim tu hú từ bên ngoài vọng vào phòng giam càng khiến cho không gian ấy trở nên ngọt ngào, bức bối. Đến nỗi người trong tù phải cất lên tiếng kêu và thể hiện khao khát hành động đập phá, tháo cũi, sổ lồng.

b. Hình ảnh “ngọt dần” gợi được cảm nhận về bước đi của mùa hè. Mùa hè của kí ức đã sống dậy trong tâm trí của nhà thơ với những đặc trưng về âm thanh, màu sắc, hương vị.

7. a. – Vẻ đẹp quê hương được thể hiện qua bài ca dao (1) là vẻ đẹp về cảnh sắc và con người. Hình ảnh “bông sen mùa hạ” được sử dụng trong bài ca dao có thể được hiểu là cảnh sắc tiêu biểu của quê hương Đồng Tháp nhưng cũng có thể hiểu đó là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho vẻ đẹp của con người quê hương “dầu bòn, dầu cặn” nhưng vẫn giữ được tâm lòng thơm thảo giữa cuộc đời.

– Vẻ đẹp quê hương được thể hiện qua bài ca dao (2) là vẻ đẹp về cảnh sắc (“hai dải cù lao”, “cửa biển sâu”) và sản vật (“dừa ăn trái”, “cau ăn trâu”, “ruộng lầy muối”, “dâu nuôi tằm”). Tất cả những hình ảnh được nhắc đến trong bài ca dao gợi sự phong phú, giàu có của quê hương.

– Vẻ đẹp quê hương được thể hiện qua bài ca dao (3) là vẻ đẹp về con người quê hương (“Thân em như chến lúa đồng đồng/ Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai”). Hình ảnh so sánh được sử dụng cho thấy được vẻ đẹp tràn đầy sức sống, trẻ trung, đầy sự tự tin, lạc quan của con người quê hương.

– Vẻ đẹp quê hương được thể hiện qua bài ca dao (4) là vẻ đẹp về cảnh sắc (“Sông Tô một dải lượn vòng”, “Sông Hồng uốn khúc chảy quanh”) và con người (“Ấy nơi liệt nữ anh hùng giáng sinh”, “Giai nhân tài tử lừng danh trong ngoài”). Những hình ảnh như “một dải lượn vòng”, “uốn khúc chảy quanh” gợi liên tưởng đến cảnh sắc trữ tình, đường cong mềm mại, uốn lượn, nên thơ của những dòng sông quê hương (sông Tô, sông Hồng). Còn những hình ảnh như “liệt nữ”, “giai nhân” nhắc nhở đến những con người oanh liệt, tuyệt sắc, tài giỏi của quê hương.

b. HS có thể chọn và chỉ ra một nét độc đáo trong mỗi VB trên (có thể là nét độc đáo về cách sử dụng hình ảnh, từ ngữ hoặc biện pháp nghệ thuật được sử dụng để chuyển tải giá trị nội dung của VB) và lí giải vì sao lại xem đó là nét độc đáo của VB. HS có thể sử dụng bảng sau để hoàn thành câu hỏi này:

Bài ca dao	Nét độc đáo	Lí giải
1		
2		
3		
4		

II. TIẾNG VIỆT

1. 1.b – 2.a – 3.c

2. a. *Hiệu nghiệm*, vì:

– *Hiệu nghiệm*: Công hiệu, kết quả thấy rõ, thường dùng trong kết hợp vị *thuộc hiệu nghiệm*.

– *Hiệu quả*: kết quả thực của việc làm mang lại.

b. *Khuyết điểm*, vì:

– *Nhược điểm*: chỗ kém, chỗ yếu.

– *Khuyết điểm*: điều thiếu sót, điều sai trong hành động, suy nghĩ hoặc tư cách.

Trong ngữ cảnh của câu văn, “đi học muộn” là sự thiếu sót trong hành động của “em học sinh ấy” nên từ “khuyết điểm” được lựa chọn.

c. *Trắng nõn*, vì:

– *Trắng nõn*: trắng mịn và muợt, trông mềm mại và tươi đẹp, thường được dùng để miêu tả nước da của người.

– *Trắng tinh*: rất trắng và đều một màu, gây cảm giác rất sạch.

3. Trong câu văn sau “Càng đồ gần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện” (Đoàn Giỏi, *Sông nước Cà Mau*), tác giả không dùng từ “san sát” mà dùng từ “chi chít” vì:

– *San sát*: nhiều và liền sát vào nhau, như không còn có khe hở, thường dùng để miêu tả nhà cửa, thuyền bè,...

– *Chi chít*: (vật nhỏ) rất nhiều và cái này sát cái kia, hầu như không còn chỗ trống, chỗ hở.

Vì từ “san sát” không phù hợp với việc miêu tả kênh rạch (vốn là những sự vật nhỏ hơn nhà cửa, thuyền bè) nên tác giả đã dùng từ “chi chít” để miêu tả.

4. Trong cặp câu lục bát sau:

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào.*

(Tố Hữu, *Khi con tu hú*)

Tố Hữu không dùng “ve kêu” mà dùng “ve ngân” vì từ “ngân” gợi được sự liên tưởng âm thanh tiếng ve vang lên như những khúc nhạc du dương, ngân nga đặc trưng của mùa hè. Còn từ “đào” trong “nắng đào” gợi được màu tươi thắm, vàng rực rỡ của nắng hè, sắc nắng khác hẳn với nắng thu và nắng xuân. Đó là lí do vì sao tác giả không dùng “nắng vàng” mà lại dùng “nắng đào”.

5. a. Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên là ẩn dụ (“năm nắng mười sương”) và so sánh (“Trấu cong như dáng lưng còng mẹ ta”). Hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho những nhọc nhằn, vất vả để làm ra hạt gạo của người nông dân, còn hình ảnh so sánh vừa giúp cho việc diễn đạt sinh động, gợi hình vừa giúp tác giả thể hiện được niềm cảm thương sâu sắc và sự trân trọng, yêu thương với những thành quả lao động của người nông dân.

b. Trong câu thơ “Trấu cong như dáng lưng còng mẹ ta”, tác giả chọn “trấu cong” mà không dùng “nặng cong” dù vẫn đảm bảo quy tắc phù hợp về thanh điệu trong câu bát vì “trấu cong” gợi được dáng cong và độ sai trấu của từng bông lúa. Còn “nặng cong” dường như chỉ gợi được sức nặng, dáng cong của từng bông lúa nhưng không thể hiện rõ sức nặng ấy là do sai trấu mà nên. Vậy nên “trấu cong” vẫn miêu tả được trọn vẹn, rõ ràng hơn dụng ý nghệ thuật của tác giả đoạn thơ.

6. Từ “trăm” và “nghìn” trong những câu thơ này nên được hiểu theo nghĩa tượng trưng, ý nói rất nhiều, chứ không nên hiểu theo nghĩa số đếm cụ thể.

III. VIẾT NGẮN

a. Em có thể điền vào bảng sau:

Từ ngữ	Lí giải

b. Em có thể điền vào bảng sau:

Từ ngữ	Thay bằng từ ngữ khác

IV. VIẾT

HS có thể tự thực hiện bài viết theo các bước gợi ý trong SGK phần Viết bài *Về đẹp quê hương*. Gợi ý như sau:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

– Xác định đề tài bằng cách trả lời những câu hỏi như: Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì? Kiểu bài nào? Độ dài của đoạn văn là bao nhiêu?

– Thu thập tư liệu bằng cách xác định những thông tin cần tìm và tìm những thông tin ấy ở đâu.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

– Tìm ý bằng cách:

- Đọc diễn cảm bài ca dao vài lần để cảm nhận âm thanh, vần, nhịp điệu của bài ca dao và xác định những cảm xúc mà VB đã gợi cho em.

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, những biện pháp tu từ mà bài ca dao đã sử dụng.

- Xác định chủ đề của bài ca dao.

- Lí giải vì sao em có cảm xúc đặc biệt với bài thơ.

- Viết nhanh dưới dạng cụm từ thể hiện những ý tưởng trên.

– Lập dàn ý: Hãy sắp xếp những ý đã nêu thành dàn ý của đoạn văn theo mẫu gợi ý trong SGK.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần bảo đảm các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Dựa vào bảng kiểm trong SGK.

V. NÓI VÀ NGHE

HS thực hiện bài nói và nghe theo trình tự các bước gợi ý sau:

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

- Mục đích nói là gì?

- Người nghe là ai?

- Đề tài bài nói là gì?

- Em dự định sẽ nói ở đâu và nói trong thời gian bao lâu?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Tìm ý bằng cách xem lại đặc điểm của thể thơ lục bát trong SGK.
- Liệt kê các ý chính cần nói dưới dạng những gạch đầu dòng hoặc cụm từ.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Khi giới thiệu về thể thơ lục bát, em cần:

- Giới thiệu rõ tên thể thơ.
- Trình bày rõ ràng, mạch lạc những đặc điểm của thể thơ lục bát.
- Nêu một số câu thơ, bài thơ lục bát để làm minh chứng.
- Lựa chọn, điều chỉnh một số từ ngữ, câu văn sao cho phù hợp với văn nói.
- Sử dụng cách xưng hô và ngữ điệu linh hoạt, phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung nói.
- Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp để thể hiện cảm xúc về bài thơ.
- Tương tác với người nghe bằng cách nhìn vào mắt họ, mời họ nêu câu hỏi,...

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

HS thực hiện việc trao đổi, đánh giá dựa vào bảng kiểm sau:

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc.	
Trình bày đầy đủ các đặc điểm của thơ lục bát về số tiếng, cách gieo vần, ngắt nhịp, sự phối hợp thanh điệu.	
Trình bày rõ các đặc điểm nói trên của thơ lục bát.	
Dùng bằng chứng cụ thể từ một số câu thơ, bài thơ lục bát để làm rõ những đặc điểm ấy.	
Sử dụng động tác, ánh mắt (ngôn ngữ hình thể) để góp phần thể hiện nội dung trình bày.	

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Những đặc điểm nào dưới đây thuộc thể loại truyện đồng thoại?
 - a. Là thể loại văn học dành cho thiếu nhi.
 - b. Nhân vật là loài vật.
 - c. Nhân vật là dũng sĩ.
 - d. Nhân vật thường gắn với lịch sử và là người có công lớn đối với cộng đồng.
 - đ. Nội dung phản ánh các đặc điểm sinh hoạt của loài vật, qua đó, tác giả gửi gắm một thông điệp có ý nghĩa.
2. Em hãy vẽ sơ đồ các sự việc trong VB *Bài học đường đời đầu tiên* (SGK *Ngữ văn 6, tập một*).
3. Dựa vào sơ đồ đó, em hãy viết đoạn văn không quá 100 chữ để tóm tắt nội dung VB *Bài học đường đời đầu tiên*.
4. Trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*, việc tác giả lựa chọn thời điểm để nhân vật kể lại câu chuyện của mình giúp người đọc hình dung như thế nào về thái độ của nhân vật đối với câu chuyện được kể?
5. Trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*, bài học mà Dế Mèn rút ra sau sự việc xảy ra với Dế Choắt là gì? Theo em, việc tác giả để cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình bằng ngôi thứ nhất có tác dụng thế nào trong việc thể hiện bài học ấy?
6. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết VB *Bài học đường đời đầu tiên* là truyện đồng thoại?
7. Dưới đây là một số đoạn văn tóm lược các sự việc trong truyện *Giọt sương đêm* (SGK *Ngữ văn 6, tập một*). Em hãy dùng sơ đồ sự việc đã học ở bài 1 (*Lắng nghe lịch sử nước mình*) để sắp xếp các sự việc ấy theo đúng trật tự được kể trong truyện.

- a. Sáng hôm sau, sau khi kể cho Thần Lăn nghe về một đêm mất ngủ của mình, Bọ Dừa khoác ba lô hành lý lên vai, chào tạm biệt Thần Lăn để về quê.
- b. Thần Lăn thông báo với cụ giáo Cóc về sự xuất hiện của nhà buôn Cảnh Cứng ở xóm Bờ Giậu đêm ấy.
- c. Thần Lăn đến nhà cụ giáo Cóc kể cho cụ nghe câu chuyện Bọ Dừa mất ngủ.
- d. Bọ Dừa ngủ dưới vòm lá trúc, nửa đêm, sương rơi trúng cổ làm Bọ Dừa tỉnh ngủ.
- đ. Bọ Dừa ghé đến xóm Bờ Giậu và hỏi thăm Thần Lăn về một chỗ trọ qua đêm dưới vòm lá trúc.

Trong những sự việc nêu trên, theo em sự việc nào là quan trọng nhất? Vì sao?

8. Truyện *Cô Gió mất tên* (SGK Ngữ văn 6, tập một) được kể theo ngôi thứ mấy? Dựa vào đâu mà em xác định được?
9. Xác định lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong đoạn văn sau. Cho biết dựa vào đâu mà em xác định được.

Tiếng đàn, tiếng hát vẫn tự nhiên vang lên mà không cần cô truyền đi xa. Cô bỏ đài truyền thanh đi ra rồi chui vào một cái hũ ở góc nhà. Cái hũ tối mò mò, mùi hôi bốc lên nồng nặc. Cô không thể nào chịu nổi phải kêu lên:

– Trời ơi! Tối quá, tối quá! Cho tôi ra với.

Chị Hũ nghe tiếng kêu liền hỏi:

– Ai đấy mà tôi không trông thấy dáng hình gì cả? Sao bỗng dừng lại vào được trong này? Hũ tôi đã nút rồi cơ mà! Đã gọi là hũ nút mà lại chậ tối!

10. Đọc VB sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

CÂU CHUYỆN CÒN GIÁU KÍN TRONG LỚP VỎ

Chú bé lục lợi trong hộp đồ chơi một lúc rồi reo lên:

– A! Đây rồi! Đây rồi! Vân ơi!

– Đâu? Đâu? Có bị mọt không?

– Không, chỉ hơi quắt lại một tí thôi!

Cô bé chạy đến bên chú bé, sẽ rướn người lên, đưa bàn tay nhỏ xinh ra đỡ lấy mấy hạt nhỏ màu đen từ trong tay anh. Cô bé khum khum bàn tay lại như một cánh hoa sen, thận trọng, khẽ khàng đưa ra phía ánh sáng. Mấy hạt đỗ màu đen như than, ở giữa có đốm trắng nằm gọn trong bàn tay hồng hồng của cô bé. Cô bé xuyt xoa:

– Chúng chỉ hơi héo đi thôi anh Dũng nhỉ. Ta đem gieo ở góc sân kia anh ạ.

Mấy hạt đỗ trong lòng bàn tay cô bé lăn qua lăn lại. Cô bé rứt cổ, nắm nhanh bàn tay lại, sợ đỗ vãi tung ra sàn nhà. Nhưng rồi cũng không tránh khỏi vương vãi. Mấy hạt đỗ rơi xuống sàn nhà lách cách, rơi vào hộp đồ chơi lạnh canh. Cô bé quỳ thụp xuống, luống cuống tìm những hạt đỗ. Cô chăm chú tìm. Mỗi khi thấy một hạt, cô bé lại khẽ reo lên mừng rỡ. Một lúc sau, cô bé hớn hờ đưa cho anh nắm hạt đỗ. Cô bé tưởng đã tìm thấy hết những hạt rơi vãi. Nhưng không, cô đã để sót một hạt nằm lọt thỏm trong chiếc lọ thủy tinh nơi góc hộp đồ chơi.

* *

*

Cái hạt đỗ nằm lọt thỏm trong lọ thủy tinh kia không phải là vô tình mà là cố ý. Nó đang ẩn nấp trước con mắt tìm kiếm của cô bé. Ngày trước, khi còn nằm trong quả đỗ, nó cũng đã từng chịu mưa chịu nắng, suốt ngày này sang đêm khác phơi mình trên giàn. Nhưng gần một năm nay, nằm yên trong góc hộp đồ chơi, nó đâm ra ngại sương gió. Nhiều đêm nằm nghe gió rú rít bên ngoài, mưa quật rạt rạt vào mái ngói, nó thấy ngại ghê! Nó cảm thấy nơi góc hộp đồ chơi mà nó trú ngụ thật đúng là một tổ ấm, mưa không ướt vỏ, nắng không rát mình. Nó cứ muốn sống ung dung nhàn nhã như thế cho đến hết đời. Thình thoảng cô bé mang hộp đồ chơi ra kiểm lại “mặt hàng” của mình, hạt đỗ lại giật mình thon thót. Nó rất sợ phải chuyển đi sống ở bất kì một chỗ nào khác. Lúc cô bé nói: “Ta đem gieo ở góc sân...” hạt đỗ co rúm người lại. Nó nghĩ đến cảnh phải nằm trong đất lạnh, những trận mưa xối xả, những cơn gió tê buốt, những ngày nắng gay gắt,... Thừa lúc cô bé đưa tay ra phía cửa, hạt đỗ liền xô đẩy các bạn, chạy trốn. Nó nhảy phóc vào chiếc lọ thủy tinh rồi nằm im thìn thít. Chao ôi, nó đã phải sống những giờ phút phấp phồng, hồi hộp, người lạnh rồi lại nóng, nóng rồi lại lạnh, đầu óc chao đi đảo lại thật khổ sở vô cùng. “Nhưng thế là mình thoát!”. Nó mỉm cười thú vị nghĩ rằng mình sẽ sống yên tĩnh như thế mãi mãi.

* *

*

Những hạt đỗ khác được gieo xuống góc sân. Hai anh em cô bé đã lụi lụi bầy mấy viên gạch ở đó lên, mượn chiếc cuốc xới đất tơi ra như bột, như tro. Không ngờ đất ở đây lại tốt đến thế. Cứ đen và anh ánh nhìn thật thích mắt. Vui những hạt đỗ xuống rồi, cô bé lấy nước vẩy đều một lượt. Đất ngấm nước rào rào, rào rào. Những hạt đỗ nằm trong đất ẩm, thấy trong người rào rục, râm râm cảm giác của sự sinh nở. Ngày này tiếp sang ngày khác, những hạt đỗ phồng to lên, nứt cái vỏ và nảy những cái mầm mập mạp, ban đầu thì trắng, rồi ngả dần sang vàng và cuối cùng có màu xanh rất nõn, rất trong, trông bám vào là nhựa sẽ ròn ròn chảy mãi không hết. Hai nửa hạt đỗ tách ngả ra hé lộ chiếc lá đầu tiên còn gấp nếp như lim dim ngõ ngàng dưới ánh nắng trời. Rồi chiếc lá từ từ xoè nở, rõ ra hình xẻ ba như chân vịt. Chiếc lá thứ nhất... Chiếc lá thứ hai... Chiếc lá thứ ba... Cho đến chiếc lá thứ năm, thứ sáu thì đã ra dáng một cây leo thật sự, dáng thanh mảnh, lá lướt, ngọn vươn dài lúc nào cũng lắc la lắc lư đung đưa như tìm kiếm một cái gì.

Từ khi những cây đỗ mọc lên, góc sân khác hẳn trước. Trẻ em đến nhiều hơn, lúc nào cũng rộn rã tiếng cười đùa, bàn tán. Đứa nhận cây này của mình, đứa nhận cây kia của mình. Đứa lấy que rào cắm cho đỗ leo, đứa bắt muối cho cây... Mảnh sân ngày trước khô không khốc, toàn những gạch nhẵn bóng thì nay bắt đầu đã có tiếng lá non loạt soạt. Ngày trước chỉ có chim sẻ chành choẹ cãi nhau trên nóc nhà thì nay lần đầu tiên trong hàng chục năm từ khi có mảnh sân nhỏ, đã có bóng vài ba chú chim sâu thấy bóng cây xanh liền sà xuống đậu. Trong tiếng gió loạt soạt, có thể nghe thấy tiếng những ngọn cây khoe với nhau:

– Ô! Em đã vươn lên tới nóc nhà rồi! Trong hốc tường kia có tổ chim sẻ, có hai quả trứng bé tí xíu!

– Em đã ló lên bờ tường rồi! Nhà bên kia có đàn gà con đông vui quá! Đây! Đây! Một chú gà con nhảy lên lưng mẹ, trượt chân ngã bổ chửng...

– Những cậu bé, cô bé ở nhà bên cạnh chạy sang chơi dưới bóng mát của chúng ta! Họ kéo theo cả chiếc ô tô nhựa màu đỏ và bế theo một cô búp bê to gần bằng em bé mới sinh...

– Ôi! Mưa! Mưa! Những hạt mưa lạnh buốt, thích quá! Thích quá!

– Em bắt đầu thấy nụ hoa cựa quậy dưới nhánh lá rồi!

Lặn mình vào trong đất, tắm trong mưa nắng bão dông, những hạt đỗ dửng cảm kia lớn lên. Riêng hạt đỗ ngại nắng ngại gió vẫn nằm trong chiếc lọ thủy tinh, chẳng lớn thêm chút nào mà có phần còn héo hắt quắt queo hơn trước. Nằm trong lọ, nghe bạn bè hớn hỡ kể những niềm vui của mình, hạt đỗ buồn lắm. “Giá mình cũng sống dửng cảm như mọi người... Bây giờ thì muộn rồi. Họ đã là những cây đỗ mập mạp, còn mình thì vẫn chỉ là một hạt đỗ quắt queo”. Hạt đỗ râm rứt khóc.

* *

*

Nghe thấy tiếng khóc, một ngọn cây khế thì thảo với cây bên cạnh:

– Ai khóc thế nhỉ? Trăng sáng thế này, gió mát thế này mà lại khóc!

– Lặng yên! Lặng yên! Các bạn đừng sột soạt nữa để nghe xem ai khóc.

Những cây đỗ ngưng trò chuyện, lá cành im phắc. Một cây tò mò vươn ngọn đến bên cửa sổ, lắc la lắc lư nhòm ngó, lắng nghe. Dưới ánh sáng xanh dịu, nó trông thấy hạt đỗ trong lọ thủy tinh. Nheo nheo con mắt lá quan sát một chặp rồi nó reo lên:

– Ô, đỗ con! Đỗ con, các cậu ơi!

– Đỗ con nào?

– Đỗ con ngày trước ở cùng chúng mình ấy! Cái hồi đem gieo cứ nháo nhác lên là cậu ấy đi đâu mất tích, bây giờ cậu ấy lại về đây này!

– Đâu? Đâu?

Những cây đỗ xông xáo hẳn lên, đua nhau vươn người nhòm qua cửa sổ. Khi trông thấy hạt đỗ, chúng nhao nhao:

– A! Chào Đỗ con nhé! Chào Đỗ con nhé! Đi đâu mà mất tăm mất tích thế? Bọn mình rất nhớ.

Trước cử chỉ vồn vã ân cần của bạn bè, mặc dù rất ngượng, nhưng hạt đỗ cũng thành thật kể hết lỗi lầm của mình. Nó tỏ ra ân hận và bối rối không biết bây giờ nên sống như thế nào. Có lẽ chẳng bao giờ nó có được niềm hạnh phúc như bạn bè. Nhiều cây đỗ ủ rũ, tỏ vẻ ái ngại thay cho nó.

Làn gió thoảng qua, mang theo hương thơm của lá và hoa. Thấy các cây đỗ buồn bã, lá cành rầu rĩ, Gió hỏi:

– Làm sao mà ỉu xiu thế hở các bạn đố? Mọi khi tôi đến, các bạn vốn vã hơn hở lắm kia mà?

– Chúng tôi đang có chuyện buồn! Không thể nào vui được khi bạn mình đang có chuyện buồn!

– Chuyện gì vậy?

– Chuyện buồn lắm Gió ạ. Có một hạt đố, bạn cũ của chúng tôi...

Những cây đố đua nhau kể cho Gió nghe về nỗi băn khoăn của bạn mình. Nghe chưa dứt câu chuyện, Gió đã cười lớn:

– Trời ơi! Có thể mà các bạn cũng phải quá lo lắng! Khó gì đâu! Hạt đố ơi, đừng buồn nữa! Biết ân hận như thế là tốt đấy. Vẫn còn kịp, Đố con ạ. Chú cứ lăn vào lòng đất, chịu nắng, chịu mưa, rồi chú cũng sẽ thành một cây đố lực lưỡng, chú sẽ được hưởng mọi niềm vui như bạn bè chú. Tất cả cuộc đời là còn ở phía trước. Tất cả mọi điều kì diệu vẫn còn ẩn giấu trong lớp vỏ, giống như những câu chuyện cổ tích hay vẫn còn ẩn giấu trong trí nhớ của người bà chưa được mang ra kể. Hãy mở lòng mình ra! Hãy mở lòng mình ra! Để tôi giúp chú nhé? Nào, bắt đầu!

Gió ào vào phòng, thổi xoáy vào hộp đồ chơi làm đổ chiếc lọ thủy tinh. Đố con nhân đó nhảy phóc xuống sàn. Gió giúp chú lăn nhanh hơn, đến bên các bạn. Vừa chạm vào đất ẩm, chú khẽ rùng mình. Nhưng cái cảm giác ón lạnh ấy qua đi rất nhanh. Hơi đất truyền sang cho chú một sức mạnh kì lạ. Chú cảm thấy rõ rệt là mình đang phập phồng thở, vỏ mềm đi và căng ra, người mình nở nang hơn...

Đố con ngây ngất thở hương đất và hương trời. Xung quanh chú, những cây đố bầu bạn cùng chia vui với chú, vẫy vẫy những bàn tay lá reo mừng...

(Trần Hoài Dương, *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2012)

- a. Truyện có những nhân vật nào? Nhân vật nào là nhân vật chính? Dựa trên căn cứ nào em cho là như vậy?
- b. Trình bày các đặc điểm của thể loại truyện đồng thoại được thể hiện trong VB trên bằng cách hoàn thiện bảng dưới đây:

Đặc điểm của thể loại truyện đồng thoại	Thể hiện trong VB
Nhân vật chính là	
Nhân vật chính phản ánh đặc điểm sinh hoạt của	
Biện pháp nghệ thuật chủ yếu mà tác giả dùng để miêu tả nhân vật chính là.....	
Đối tượng người đọc chủ yếu là.....	
Qua câu chuyện của các nhân vật, tác giả muốn gửi đến người đọc một	

c. Sử dụng mô hình sơ đồ sau để tóm tắt các sự việc theo đúng trật tự được kể trong VB *Câu chuyện còn giấu kín trong lớp vỏ*:



d. Xác định ngôi kể của truyện. Dựa vào đâu mà em xác định được?

đ. Xác định lời nhân vật và lời của người kể chuyện trong đoạn văn sau:

Lăn mình vào trong đất, tắm trong mưa nắng bão dông, những hạt đỗ dẽng cậm kia lớn lên. Riêng hạt đỗ ngại nắng ngại gió vẫn nằm trong chiếc lọ thủy tinh, chẳng lớn thêm chút nào mà có phần còn héo hắt quắt queo hơn trước. Nằm trong lọ, nghe bạn bè hớn hờ kể những niềm vui của mình, hạt đỗ buồn lắm. “Giá mình cũng sống dẽng cậm như mọi người... Bây giờ thì muộn rồi. Họ đã là những cây đỗ mập mạp, còn mình thì vẫn chỉ là một hạt đỗ quắt queo”. Hạt đỗ râm rít khóc.

e. Tìm những chi tiết miêu tả hình dáng, hành động, ngôn ngữ và suy nghĩ của nhân vật Đỗ con. Trên cơ sở đó, nêu cảm nhận của em về đặc điểm nhân vật bằng cách hoàn thiện bảng theo mẫu dưới đây:

Chi tiết miêu tả hình ảnh nhân vật Đỗ con trong VB	Cảm nhận của em về đặc điểm nhân vật Đỗ con
Hình dáng:	

Hành động:	
Ngôn ngữ:	
Suy nghĩ:	

- g. Trong các sự việc của truyện *Câu chuyện còn giấu kín trong lớp vỏ*, theo em, sự việc nào quan trọng nhất? Vì sao?
- h. Theo em, trải nghiệm mà hạt Đỗ con ở đây có được là gì? Nếu em là hạt Đỗ con, em cảm nhận như thế nào về trải nghiệm ấy?
- i. Nếu được chia sẻ với mọi người về cách nghĩ, cách ứng xử trong cuộc sống mà VB *Câu chuyện còn giấu kín trong lớp vỏ* gợi ra cho em thì em sẽ chia sẻ với họ điều gì?

II. TIẾNG VIỆT

1. Đọc từng cặp câu sau:

- a1. Đôi khi, chim bay lên.
a2. Đôi khi, những bầy chim hoang dại bay vù lên một loạt.
- b1. Trên những ngọn cây già nua, lá vàng khua.
b2. Trên những ngọn cây già nua, những chiếc lá vàng còn sót lại cuối cùng đang khua lao xao trước khi từ giã thân mẹ.
- c1. Tóc mẹ đen và dày.
c2. Tóc mẹ đen và dày, phủ kín cả hai vai, xoã xuống ngực, xuống đầu gối.

Em hãy:

- So sánh nghĩa của từng cặp câu trên.
- Xác định nguyên nhân khiến cho nghĩa của từng cặp câu khác nhau.

2. Cho từng cặp câu sau:

- a1. Giọng bà trầm bổng, ngân nga.
- a2. Giọng bà trầm bổng, ngân nga như tiếng chuông.
- b1. Cô Gió lách qua khe cửa kính.
- b2. Cô Gió nhẹ nhàng khẽ lách qua khe cửa kính.
- c1. Con chim đã không cứu được nó.
- c2. Con chim cánh to cánh nhỏ đã không cứu được nó.
- d1. Con vật lông lộn.
- d2. Con vật bông lông lộn khắp phòng, như đầu đón, như cặm phẫn.
- đ1. Chú cừu cổ rướn người, đưa chiếc mõm hồng hồng xinh xinh ve vuốt hai chị em.
- đ2. Chú cừu trắng muốt hiền lành cổ rướn người, đưa chiếc mõm hồng hồng xinh xinh ve vuốt hai chị em.

Em hãy:

- a. Xác định thành phần chủ ngữ và vị ngữ của các câu trên.
 - b. Câu thứ hai trong từng cặp câu trên có thành phần nào được mở rộng bằng cụm từ? Xác định loại cụm từ (cụm danh từ, cụm động từ hay cụm tính từ) được dùng để mở rộng trong những câu ấy. Nêu tác dụng của việc sử dụng những cụm từ ấy để mở rộng các thành phần chính của câu.
3. Xác định thành phần chủ ngữ và vị ngữ của các câu dưới đây. Dùng cụm từ để mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc cả hai thành phần chính trong các câu ấy. Sau đó so sánh để làm rõ sự khác biệt nghĩa giữa câu mở rộng và câu trước khi mở rộng.
- a. Mưa rơi.
 - b. Chim chao mình sát mặt nước, nghiêng ngó.
 - c. Gió nổi lên.
 - d. Thầy giáo Cóc nhìn Éch Cỏm.
 - đ. *Tiếng hát vang lên:
Dung dăng dung dẻ,
Chúng ta vui vẻ,
Đến lớp học hành.*

4. Tìm và chỉ ra tác dụng của những phép so sánh có trong các đoạn văn sau:

a. *Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thình thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hùn hoản bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giòn. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*

(Tô Hoài, Bài học đường đời đầu tiên)

b. *Tôi hiểu, khu vườn là món quà bất tận của tôi. Mỗi một bông hoa là một món quà nhỏ, một vườn hoa là món quà lớn.*

(Nguyễn Ngọc Thuần, Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ)

5. Nối thành ngữ (cột A) với phần giải thích nghĩa tương ứng (cột B):

A (Thành ngữ)	B (Nghĩa của thành ngữ)
1. Tắt lửa tối đèn	a. Chỉ tính chuyện tạm bợ trước mắt, không suy nghĩ đến chuyện lâu dài.
2. Hôi như cú	b. Tiết kiệm, tần tiện trong tiêu dùng, để dành tiền làm việc khác.
3. Ăn xối ở thì	c. Khen ai làm gì rất nhanh.
4. Thất lưng buộc bụng	d. Hôi hám, có ý chê bai, chế giễu.
5. Nhanh như cắt	đ. Lúc khó khăn, hoạn nạn cần đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau.

6. Cụm từ “sực nhớ” trong đoạn văn sau có thể được thay bằng những cách diễn đạt khác như “tha thiết nhớ”, “bồi hồi nhớ” không? Hãy lí giải câu trả lời của em.

May nhờ có giọt sương lạnh toát rơi bộp xuống cổ, ông mới sực nhớ quê nhà. Không ngờ cái xóm nhỏ heo hút này lại giống cái xóm của ông thời thơ ấu đến thế. Bao nhiêu năm biệt đi xa, mãi làm ăn, ông quên khuấy đi mất.

(Trần Đức Tiến, Giọt sương đêm)

III. VIẾT NGẮN

Sau khi đọc VB *Giọt sương đêm* (SGK Ngữ văn 6, tập một), em hãy viết một đoạn văn khoảng 150 chữ kể tiếp câu chuyện của Bọ Dừa khi về quê.

IV. VIẾT

1. Em hãy điền vào sơ đồ sau các bước tạo lập VB và ý nghĩa của từng bước:

Bước 1	→	Ý nghĩa của bước này là.....
Bước 2	→	Ý nghĩa của bước này là.....
Bước 3	→	Ý nghĩa của bước này là.....
Bước 4	→	Ý nghĩa của bước này là.....

2. Khi viết một bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân, việc kết hợp kể và tả, thể hiện cảm xúc của mình đối với sự việc có tác dụng gì?
3. Sau kì nghỉ hè, chắc hẳn em đã có thêm nhiều trải nghiệm mới. Hãy viết một bài văn kể lại trải nghiệm đáng nhớ của em trong mùa hè vừa qua để chia sẻ với các bạn cùng lớp.

V. NÓI VÀ NGHE

1. Em hãy điền vào bảng sau những điểm giống và khác nhau giữa bài viết kể lại một trải nghiệm của bản thân và kể lại bằng lời trải nghiệm của bản thân:

	Bài viết kể lại một trải nghiệm	Kể lại bằng lời một trải nghiệm
Giống		
Khác		

2. Nhập vai nhân vật Đố con trong truyện *Câu chuyện còn giấu kín trong lớp vỏ* để kể lại cho những hạt đố khác nghe về trải nghiệm của nhân vật sau khi đã trở thành một cây đố xanh tốt ở góc sân.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. a, b, đ.

2. Dưới đây là những sự kiện chính trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*:

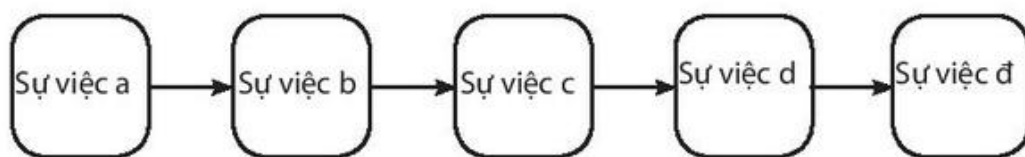
a. Dế Mèn là một chàng dế thanh niên cường tráng, oai phong. Vì luôn cậy mình to khỏe nên Dế Mèn luôn cà khịa với tất cả những người hàng xóm của mình.

b. Vì Dế Choắt là một anh bạn hàng xóm ốm yếu nên Dế Mèn luôn tỏ ra khinh miệt, coi thường, sẵn sàng từ chối lời đề nghị giúp đỡ của Dế Choắt.

c. Một hôm, để chứng tỏ với Dế Choắt, Dế Mèn đã cất tiếng trêu ghẹo chị Cốc rồi lủi vào hang trốn biệt.

d. Chị Cốc tưởng nhầm Dế Choắt đã trêu chọc mình nên mỗ chú đến trọng thương.

đ. Trước khi chết, Dế Choắt đã khuyên Dế Mèn nên chừa thói hung hăng và phải biết suy nghĩ trước khi hành động để tránh tai vạ. Đó cũng chính là bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.



3. Dựa trên sơ đồ, HS viết đoạn văn không quá 100 chữ để tóm tắt VB *Bài học đường đời đầu tiên*.

4. Trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*, Tô Hoài đã để Dế Mèn kể lại câu chuyện của mình sau khi mọi việc đã xảy ra. Việc tác giả lựa chọn thời điểm kể chuyện như vậy đã giúp người đọc nhận thấy dường như Dế Mèn đã thật sự ăn năn, hối hận và có sự chiêm nghiệm về những gì đã xảy ra.

5. Để làm bài tập này, HS cần đọc lại *Tri thức đọc hiểu* về người kể chuyện và suy nghĩ xem nếu bài học của Dế Mèn do người khác kể lại (người kể chuyện ngôi thứ ba) thì có gì khác so với việc do chính nhân vật kể lại.

6. Để làm bài tập này, HS cần đọc lại *Tri thức đọc hiểu* về truyện đồng thoại, kết hợp với việc tìm kiếm sự thể hiện của những đặc điểm ấy trên VB *Bài học đường đời đầu tiên*. Trên cơ sở đó, HS sẽ rút ra được kết luận về thể loại của VB *Bài học đường đời đầu tiên*.

7. Để thực hiện được bài tập này, HS cần đọc lại truyện và sắp xếp các sự việc theo đúng trình tự xảy ra trong truyện. Từ đó, HS xác định sự việc quan trọng nhất của truyện. Thông thường đó sẽ là những sự việc khiến nhân vật thay đổi suy nghĩ, cách nhìn và đưa ra những hành động có tính chất quyết định, ảnh hưởng đến kết thúc của truyện; đồng thời những sự việc ấy cũng góp phần thể hiện chủ đề của VB. Vì vậy, khi trả lời nội dung này của câu hỏi, HS không chỉ lựa chọn được sự việc quan trọng mà còn phải giải thích được tính chất quan trọng của sự việc trong cái nhìn liên hệ với các sự việc khác của cốt truyện, với toàn bộ diễn biến cũng như kết thúc của truyện.

8. Trả lời: chuyện được kể theo ngôi thứ 3. Căn cứ: người kể chuyện không xưng tôi, là người kể chuyện giấu mình.

9. HS có thể thực hiện theo hướng dẫn sau:

Lời của người kể chuyện: “Tiếng đàn, tiếng hát vẫn tự nhiên vang lên mà không cần cô truyền đi xa. Cô bỏ đàn truyền thanh đi ra rồi chui vào một cái hũ ở góc nhà. Cái hũ tối mò mò, mùi hôi bốc lên nồng nặc. Cô không thể nào chịu nổi phải kêu lên”; “Chị Hũ nghe tiếng kêu liền hỏi”.

Đây là lời của người kể chuyện vì phần lời ấy dùng để thuật lại một sự việc cụ thể hay giới thiệu, miêu tả khung cảnh, con người, sự vật,...

Lời của nhân vật: “– Trời ơi! Tôi quá, tôi quá! Cho tôi ra với.”; “– Ai đấy mà tôi không trông thấy dáng hình gì cả? Sao bỗng đứng lại vào đờng trong này? Hũ tôi đã nút rồi cơ mà! Đã gọi là hũ nút mà lại chả tôi!”

Đây là những lời nói trực tiếp của nhân vật trong truyện. Về chính tả, lời của nhân vật thường được tách biệt với lời của người kể chuyện bằng cách đặt sau dấu hai chấm hoặc dấu gạch đầu dòng.

10. a. Truyện có những nhân vật như Đổ con, cô bé (Vân), chú bé và những cây đỗ khác. Trong số đó, nhân vật chính là Đổ con vì nhân vật này xuất hiện nhiều nhất trong VB và tất cả các sự kiện chính của VB đều xoay quanh nhân vật này.

b. Đặc điểm của thể loại truyện đồng thoại được thể hiện trong VB *Câu chuyện còn giấu kín trong lớp vỏ* như sau:

Đặc điểm của thể loại truyện đồng thoại	Thể hiện trong VB
Nhân vật chính là <i>loài vật được nhân hoá</i> .	Nhân vật Đổ con được tác giả nhân hoá.
Nhân vật chính phản ánh <i>đặc điểm sinh hoạt của loài vật, đồng thời không xa rời cách nhìn sự vật của trẻ em</i> .	Nhân vật được miêu tả với những đặc điểm sinh trưởng của thực vật (hạt đỗ nảy mầm thành cây đỗ: hạt đỗ được gieo xuống đất, hạt đỗ phồng to lên, nứt cái vỏ và nảy mầm, ban đầu thì trắng, rồi ngả dần sang vàng và cuối cùng có màu xanh rất nõn, rất trong; hai nửa hạt đỗ tách ngả ra hé lộ chiếc lá đầu tiên,...), nhưng đồng thời không xa rời cách nhìn sự vật của trẻ em (hạt đỗ biết sợ hãi khi bị mang đi gieo xuống đất, cố tìm cách trốn tránh, niềm vui của những hạt đỗ khi đã được tách ra khỏi chiếc vỏ của mình, tâm trạng của Đổ con khi được nghe những câu chuyện mới mẻ của bạn bè mình,...).
Biện pháp nghệ thuật chủ yếu mà tác giả dùng để miêu tả nhân vật chính là <i>nhân hoá</i> .	Tác giả miêu tả hạt đỗ như một con người biết trò chuyện, có tâm tư, cảm xúc và suy nghĩ rất giống con người..
Đối tượng người đọc chủ yếu là <i>thiếu nhi</i> .	VB này được trích từ <i>Những truyện hay viết cho thiếu nhi</i> , NXB Kim Đồng, của tác giả Trần Hoài Dương.

Qua câu chuyện của các nhân vật, tác giả muốn gửi đến người đọc một thông điệp có ý nghĩa.

Thông điệp mà tác giả gửi đến người đọc là mỗi người cần biết dũng cảm vượt qua nỗi sợ hãi của chính mình để tìm đến với những không gian tốt hơn, chấp nhận thử thách để bản thân trưởng thành hơn.

Lưu ý: Về việc trình bày thông điệp, người học có thể đưa ra những thông điệp khác miễn là phù hợp với nội dung của VB.

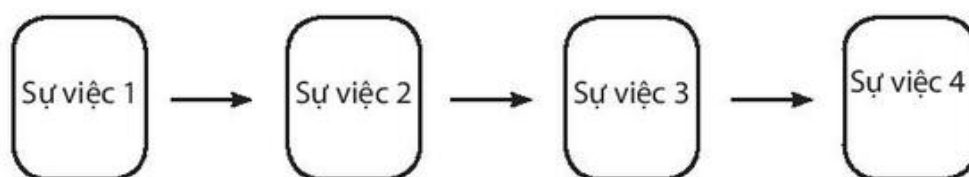
c. Những sự kiện chính được kể trong VB *Câu chuyện còn giấu kín trong lớp vỏ*:

(1) Tuy đã từng chịu mưa chịu nắng khi còn nằm trong quả đỗ, nhưng kể từ ngày được nằm yên trong góc hộp đồ chơi thì Đỗ con đâm ra ngại sương gió và luôn tìm cách lẩn tránh, lo lắng, hồi hộp mỗi khi cô bé có ý định đem nó gieo xuống đất.

(2) Nhìn thấy các bạn có một diện mạo khác hẳn và nhiều điều thú vị hơn khi ở trong hoàn cảnh mới, Đỗ con cảm thấy buồn và ao ước mình đủ dũng cảm như mọi người để vượt qua nỗi lo lắng, sợ hãi của bản thân.

(3) Chứng kiến nỗi buồn của Đỗ con, những người bạn tốt bụng (những cây đỗ khác, Gió) đã động viên và giúp đỡ Đỗ con thực hiện ước mơ của mình.

(4) Ở trong hoàn cảnh mới, không gian mới, Đỗ con lần đầu tiên cảm nhận rất rõ sự thay đổi của chính mình và niềm vui ngất ngây thở hương đất và hương trời.



d. Truyện được kể theo ngôi thứ ba vì tác giả là người giấu mình và gọi các nhân vật bằng tên của họ.

đ. Lời của nhân vật: “Giá mình cũng sống dũng cảm như mọi người... Bây giờ thì muộn rồi. Họ đã là những cây đỗ mập mạp, còn mình thì vẫn chỉ là một hạt đỗ quắt queo”.

Lời của người kể chuyện: “Lăn mình vào trong đất, tắm trong mưa nắng bão dông, những hạt đỗ dững cãm kia lớn lên. Riêng hạt đỗ ngại nắng ngại gió vẫn nằm trong chiếc lọ thủy tinh, chẳng lớn thêm chút nào mà có phần còn héo hắt quắt queo hơn trước. Nằm trong lọ, nghe bạn bè hớn hờ kể những niềm vui của mình, hạt đỗ buồn lắm”, “Hạt đỗ rầm rứt khóc”.

e. Chân dung của nhân vật Đỗ con qua lời kể và tả trong VB:

Hình ảnh nhân vật Đỗ con trong VB	Cảm nhận của em về đặc điểm nhân vật Đỗ con
<p>Hình dáng: “Riêng hạt đỗ ngại nắng ngại gió vẫn nằm trong chiếc lọ thủy tinh, chẳng lớn thêm chút nào mà có phần còn héo hắt quắt queo hơn trước”; “vỏ mềm đi và căng ra, người mình nở nang hơn”.</p> <p>Hành động: “Nó đang ẩn nấp trước con mắt tìm kiếm của cô bé; Thỉnh thoảng cô bé mang hộp đỗ chơi ra kiểm lại “mặt hàng” của mình, “hạt đỗ lại giật mình thon thót”; Lúc cô bé nói: “Ta đem gieo ở góc sân...” “hạt đỗ co rúm người lại”; Thừa lúc cô bé đưa tay ra phía cửa, hạt đỗ liền xô đẩy các bạn, chạy trốn”; “Nó nhảy phóc vào chiếc lọ thủy tinh rồi nằm im thin thít; Nằm trong lọ, nghe bạn bè hớn hờ kể những niềm vui của mình, hạt đỗ buồn lắm”; “Hạt đỗ rầm rứt khóc”; “Hạt đỗ cũng thành thật kể hết lỗi lầm của mình”; “Nó tỏ ra ân hận và bối rối không biết bây giờ nên sống như thế nào”;...</p>	<p>HS có thể đưa ra những cảm nhận khác nhau về nhân vật Đỗ con miễn là phù hợp với nội dung thể hiện của VB. Sau đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đỗ con trước đó vốn là một hạt đỗ nhút nhát, ngại thay đổi, ngại khó khăn, gian khổ, thích chọn cuộc sống ít thử thách vì thế luôn cảm thấy lo lắng, sợ hãi và cố tình tránh né những cơ hội được thay đổi môi trường sống. – Tuy nhiên, đó cũng là một hạt đỗ biết ăn năn, hối hận, thành thật với những lỗi lầm của mình và thể hiện niềm khao khát được sống tốt hơn sau những sai lầm, thiếu sót của bản thân. – Cuối cùng người đọc có thể nhận thấy Đỗ con đã thật sự trở thành một hạt đỗ mạnh mẽ, dũng cảm khi dám đối diện với những nỗi sợ hãi của chính mình, sẵn sàng vượt qua nó để đến với một hành trình mới mẻ, thú vị hơn.

Ngôn ngữ: “Nhưng thế là mình thoát! ”;
“Giá mình cũng sống dũng cảm như mọi người... Bây giờ thì muộn rồi. Họ đã là những cây đổ mập mập, còn mình thì vẫn chỉ là một hạt đỗ quắt queo”.

Suy nghĩ: “Nó cảm thấy nơi góc hộp đồ chơi mà nó trú ngụ thật đúng là một tổ ấm, mưa không ướt vỏ, nắng không rát mình. Nó cứ muốn sống ung dung nhàn nhã như thế cho đến hết đời”; “Nó rất sợ phải chuyển đi sống ở bất kì một chỗ nào khác”; “Nó mỉm cười thú vị nghĩ rằng mình sẽ sống yên tĩnh như thế mãi mãi”; “Giá mình cũng sống dũng cảm như mọi người” ; “có được niềm hạnh phúc như bạn bè”

g. Trong các sự việc của truyện *Câu chuyện còn giấu kín trong lớp vỏ*, HS cần xác định được sự việc nào là quan trọng nhất và phải lí giải được vì sao lại lựa chọn như vậy. Việc lí giải chủ yếu dựa vào vai trò của sự việc đối với diễn biến của cốt truyện và sự thể hiện thông điệp của VB. Trên cơ sở đó, HS có thể lựa chọn một số sự việc sau: sự kiện Đỗ con nhìn thấy các bạn mình có một diện mạo khác hẳn và nhiều điều thú vị hơn khi ở trong hoàn cảnh mới hoặc sự việc Đỗ con nhận được sự động viên, giúp đỡ của những người bạn tốt bụng.

II. TIẾNG VIỆT

1. Nhìn chung, nghĩa của từng cặp câu trong bài tập 1 khác nhau là do cấu tạo của các thành phần chính trong các cặp câu ấy khác nhau. HS có thể phân tích cấu tạo của các thành phần câu ấy để chỉ rõ sự khác nhau của từng cặp câu. Ví dụ:

a1. Đôi khi, chim / bay lên.

CN₁ VN₁

a2. Đôi khi, những bầy chim hoang dại / bay vì lên một loạt.

CN₂

VN₂

Trong cặp câu trên, câu (2) có chủ ngữ được cấu tạo là một cụm danh từ, vị ngữ có cấu tạo là một cụm động từ với nhiều thông tin chi tiết hơn câu (1).

2. Chủ ngữ và vị ngữ trong các câu được xác định ranh giới bằng dấu gạch xiên và chủ ngữ được đánh dấu bằng cách in đậm.

a1. **Giọng bà** / *trầm bổng, ngân nga.*

a2. **Giọng bà** / *trầm bổng, ngân nga như tiếng chuông.*

Câu a2 có một phần của vị ngữ được mở rộng bằng cụm động từ “ngân nga như tiếng chuông”.

b1. **Cô Gió** / *lách qua khe cửa kính.*

b2. **Cô Gió** / *nhẹ nhàng khẽ lách qua khe cửa kính.*

Câu b2 được mở rộng bằng cách biến vị ngữ của câu từ cụm động từ đơn giản thành cụm động từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn.

c1. **Con chim** / *đã không cưu được nó.*

c2. **Con chim cánh to cánh nhỏ** / *đã không cưu được nó.*

Câu c2 được mở rộng bằng cách biến chủ ngữ của câu từ cụm danh từ đơn giản thành cụm danh từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn.

d1. **Con vật** / *lông lộn.*

d2. **Con vật** / *bông lông lộn khắp phòng, như đau đớn, như căm phẫn.*

Câu d2 được mở rộng bằng cách biến vị ngữ của câu từ một từ thành một cụm động từ.

đ1. **Chú cừu** / *cổ rướn người, đưa chiếc mõm hồng hồng xinh xinh ve vuốt hai chị em.*

đ2. **Chú cừu trắng muốt hiền lành** / *cổ rướn người, đưa chiếc mõm hồng hồng xinh xinh ve vuốt hai chị em.*

Câu e2 được mở rộng bằng cách biến chủ ngữ từ cụm danh từ đơn giản thành cụm danh từ có thông tin chi tiết, cụ thể hơn và biến vị ngữ từ cụm động từ đơn giản thành cụm động từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn.

3. Chủ ngữ và vị ngữ trong các câu được xác định ranh giới bằng dấu gạch xiên và chủ ngữ được đánh dấu bằng cách in đậm.

a. *Mưa / rơi.*

b. *Chim / chao mình sát mặt nước, nghiêng ngó.*

c. *Gió / nổi lên.*

d. *Thầy giáo Cóc / nhìn Éch Cốm.*

đ. *Tiếng hát / vang lên:*

Dung dăng dung dè,

Chúng ta vui vẻ,

Đến lớp học hành.

HS dùng cụm từ để mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc cả hai thành phần chính trong các câu ấy; sau đó so sánh để làm rõ sự khác biệt nghĩa giữa câu mở rộng và câu trước khi mở rộng.

4. a. Phép so sánh có trong đoạn văn: “Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua; Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc”. Những phép so sánh trên làm cho câu văn thêm sinh động, gợi tả, giúp người đọc hình dung rõ hơn về sức vóc cường tráng của Dế Mèn; đồng thời thể hiện thái độ kiêu căng, hợm hĩnh của Dế Mèn qua những hình ảnh so sánh ấy.

b. Phép so sánh có trong đoạn văn: “Khu vườn là món quà bất tận của tôi”, “Mỗi một bông hoa là một món quà nhỏ, một vườn hoa là món quà lớn”. Phép so sánh ấy góp phần giúp người đọc hình dung rõ hơn về giá trị của thiên nhiên đối với cuộc sống của nhân vật “tôi”.

5. 1 – đ; 2 – d; 3 – a; 4 – b; 5 – c.

6. Cụm từ “sực nhớ” trong câu văn “May nhờ có giọt sương lạnh toát rơi bộp xuống cổ, ông mới sực nhớ quê nhà” không thể được thay bằng những cách diễn đạt khác như “tha thiết nhớ”, “bồi hồi nhớ”. Vì những cụm từ như “tha thiết nhớ” hay “bồi hồi nhớ” không diễn tả được sự xuất hiện bất ngờ của nỗi nhớ quê hương trong tâm trạng của nhân vật Bọ Dừa. Trước đó Bọ Dừa chưa từng có ý định về quê. Tuy nhiên giọt sương đêm lạnh toát rơi bộp xuống cổ có thể đã khiến Bọ Dừa nhớ lại trải nghiệm tương tự ở quê nhà, vì vậy nỗi nhớ quê cũng theo đó mà ập đến.

III. VIẾT NGẮN

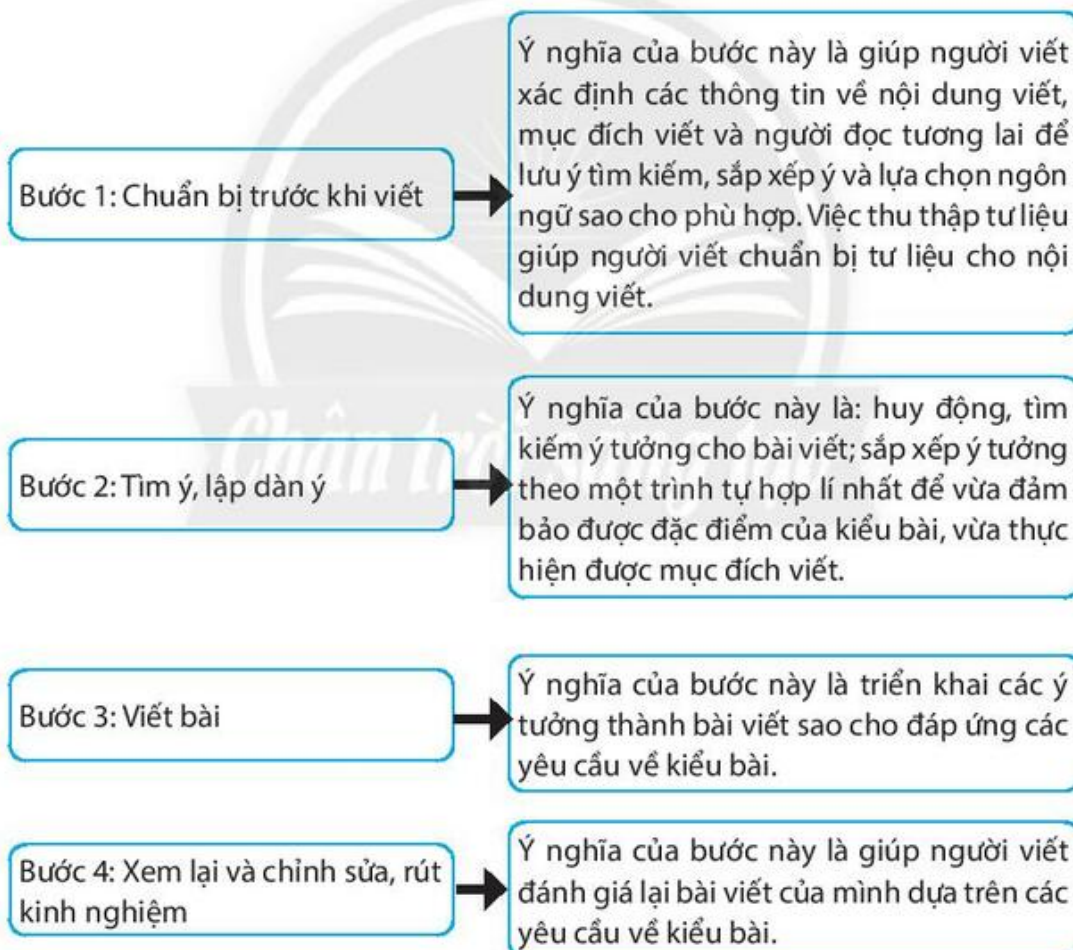
HS tự thực hiện dựa trên kết quả đọc hiểu VB *Giọt sương đêm*. Khi viết đoạn văn này, HS cần lưu ý:

– Có thể chọn kể tiếp câu chuyện của Bọ Dừa theo ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất (đóng vai Bọ Dừa để kể).

– Nội dung kể là câu chuyện của Bọ Dừa sau khi về quê. HS có thể sáng tạo nội dung kể tuy nhiên nội dung ấy cần có sự liên quan chặt chẽ, phù hợp, liền mạch với nội dung của VB *Giọt sương đêm* đã được trình bày trong SGK.

IV. VIẾT

1. Gợi ý sơ đồ mô tả các bước tạo lập VB và ý nghĩa của từng bước:



2. Khi viết một bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân, việc kết hợp kể và tả có tác dụng giúp cho người đọc hình dung về những sự việc được kể dễ dàng, cụ thể hơn.

3. HS có thể tự thực hiện bài viết theo các bước gợi ý trong *Ngữ văn 6, tập một*. Cụ thể là:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

– Xác định đề tài bằng cách trả lời những câu hỏi như: “Mùa hè vừa qua, em có trải nghiệm nào đáng nhớ nhất?”.

– Thu thập tư liệu bằng cách nhớ lại trải nghiệm đáng nhớ nhất của em, đọc lại những câu chuyện trong bài học *Những trải nghiệm trong đời* để học cách các tác giả kể trải nghiệm của họ, tìm những hình ảnh đã lưu giữ có liên quan đến câu chuyện.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý bằng cách: HS tìm ý bằng sơ đồ hướng dẫn trong SGK.

– Lập dàn ý: HS lập dàn ý theo hướng dẫn trong SGK.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần bảo đảm các yêu cầu đối với kiểu bài *Kể lại một trải nghiệm của bản thân*.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Dựa vào bảng kiểm trong SGK *Ngữ văn 6, tập một* để điều chỉnh bài viết.

V. NÓI VÀ NGHE

1. HS có thể dựa vào những hướng dẫn trong SGK *Ngữ văn 6, tập một*, phần hướng dẫn viết bài kể lại một trải nghiệm và nói về một trải nghiệm của bản thân để điền vào bảng.

2. HS thực hiện bài nói và nghe theo trình tự các bước gợi ý sau:

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

– Mục đích nói là gì?

– Người nghe là ai?

– Đề tài bài nói là gì?

– Em dự định sẽ nói ở đâu và nói trong thời gian bao lâu?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

– Giới thiệu địa điểm, thời gian xảy ra câu chuyện bằng cách trả lời câu hỏi sau: Sau khi trở thành một cây đỗ xanh tốt ở góc sân, em đã gặp việc gì, những ai? Những sự việc ấy xảy ra ở đâu, khi nào?

– Trình bày rõ ràng, mạch lạc các sự việc trong câu chuyện bằng cách trả lời câu hỏi sau: Những sự việc ấy xảy ra theo trình tự nào? Sự việc nào xảy ra trước? Sự việc nào xảy ra sau?

– Thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình đối với những sự việc, nhân vật trong câu chuyện bằng cách trả lời câu hỏi sau: Em (khi đóng vai nhân vật Đỗ con) có suy nghĩ, cảm xúc gì đối với những sự việc, nhân vật xuất hiện trong câu chuyện ấy?

– Thể hiện được ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân bằng cách trả lời câu hỏi sau: Ý nghĩa của những sự việc ấy đối với bản thân em (khi đóng vai nhân vật Đỗ con) là gì?

Bước 3: Luyện tập và trình bày

HS thực hiện theo hướng dẫn trong SGK.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

HS thực hiện việc trao đổi, đánh giá theo hướng dẫn của SGK.

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Trình bày đặc điểm của VB *ki*, VB *hỏi ki*.
2. Dòng nào dưới đây **không** nêu đúng đặc điểm của VB *hỏi ki*?
 - a. Kể lại sự việc mà người viết từng tham gia, chứng kiến.
 - b. Sự việc được kể đã thuộc về quá khứ.
 - c. Các sự việc thường được kể theo trình tự không gian.
 - d. Sự việc gắn với một hoặc nhiều giai đoạn trong cuộc đời của tác giả.
3. Dòng nào dưới đây **không** nêu đúng đặc điểm của VB *du kí*?
 - a. Kể lại sự việc từ ngôi thứ nhất.
 - b. Tác giả chính là người kể chuyện.
 - c. Câu chuyện chủ yếu được kể theo trình tự thời gian.
 - d. Những gì được ghi chép gắn với hành trình những chuyến đi.
4. Đọc VB và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Cây mít sum sê bụi bậm, đầy cành và lá, ở ngay cạnh vại nước. Bóng nó soi xuống làm cho vại nước suốt ngày thêm trong mát lừ. Khi mưa, hứng cái mo cau vào, nó cho đầy nước mưa. Chúng tôi ai cũng yêu nó. Nhưng mỗi một tội: Cái việc chính của nó, nó không làm. Ấy là ra quả. Phải ra quả!

U bảo:

– Nước cứ xô chỗ trũng. Nhà mình nghèo ở vào cái đất xấu. Mít nhà người ta ra quả lớn quả bé. Mai, thông buổi, thằng Thả leo lên, u lấy chày tay đập vào gốc. U hỏi: “Mùa này mày ra mấy quả?”. Thả giả lờ: – “Hai quả” nhá!

Đến mùa, nó ra bao nhiêu quả. Cả nhà mừng. Nhưng rồi rụng, chỉ còn một quả. Quả rất chóng lớn. Nó chín thơm. Cả nhà được bữa thòm thòm! [...].

Cây đu đủ cao vượt cái “tường hoa”. Những tàu lá già, vàng, chúng tôi tha hồ cắt cuống mà thổi tu tu. Từng chùm quả. Quả nào cũng chỉ bằng cái chén

rồi không nhón nữa! Đói quá. Anh Thả và tôi cứ hái dần, bầm ra hết nhựa, gọt vỏ, cắt từng miếng, cho vào sanh luộc. Mỗi người ăn hai quả là no căng bụng. Hết nạc, vạc đến xương! Quả hết. Anh Thả chặt ngọn cây, nạo vỏ thân cây, tiện dần từng khúc. Anh lấy dao bìa thái nhỏ như sợi nem, vo lẫn với gạo, nấu thành “cơm trộn thân cây đu đủ” [...].

Thầy nghĩ ra cách: Hễ sinh mỗi người con, thầy trồng một cây na. Thâm thoát đã được bốn cây. Cây anh Thư đứng chính giữa, cao nhất, tốt nhất. Rồi cứ lần lượt: cây anh Thả, cây Khán, cây Bằng... Bốn cây cùng tốt. Hè về, hoa thơm lừng rụng xuống sân. Ong, bướm, cánh quýt về bay rợp đầu sân, nhưng nó cũng làm rụng oan nhiều hoa cái.

Những quả na nhắm nghiền mắt rồi mở mắt dần. Đêm thì dơi. Ngày thì chào mào tìm đến. Nếu không tinh thì nó ăn hót trước. Cây na của cái Bằng bé nhất bỗng cần cỗi, lại bị sâu. Sâu đục, thân cây chảy nhựa ròn ròn. Anh Thả khoét rất khéo mới lôi được sâu ra. [...]. Cây tốt dần và mọc những cành tơ.

Một buổi sáng, u đi đâu về thấy một bà quảy hai rổ sề.

Thôi, u bán na rồi! Chúng tôi leo lên, chọn quả sắp chín, quả mở mắt, hái xuống để một đồng góc sân. Bà hàng ra chọn mua đầy hai rổ sề, còn có vài quả chín nứt nở “như đe thợ rào” và những quả còi kính, chúng tôi chia nhau. U cũng ăn thử. Ngọt lắm.

(Duy Khán, trích *Tuổi thơ im lặng*, chương 5)

- Hình ảnh cây còi trong VB trên được miêu tả qua cảm nhận của ai, theo ngôi kể nào? Chỉ ra mối liên hệ giữa người kể chuyện trong VB và tác giả Duy Khán.
- Dựa vào các loài cây được nói đến để chia VB thành nhiều đoạn. Đặt cho nhan đề cho VB và đề mục cho mỗi đoạn VB.
- Tim và phân tích một số chi tiết thể hiện sự gắn bó, thân thiết giữa anh em của “tôi”, thầy u của “tôi” với mỗi loài cây trong vườn.
- Tim và phân tích khoảng ba chi tiết để thấy tác dụng của việc kết hợp giữa miêu tả và kể chuyện trong VB.
- Một số bạn cho rằng: đọc VB, họ cảm thấy cây mít, cây đu đủ, cây na trong đó cũng là những nhân vật sinh động, đáng yêu. Cách cảm nhận như vậy có gì giống, có gì khác với cảm nhận của em về VB?

e. Nêu và phân tích biện pháp nghệ thuật mà theo em là được sử dụng phù hợp, thành công nhất trong VB.

g. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết VB trên thuộc thể hồi kí?

II. TIẾNG VIỆT

1. Căn cứ vào *Tri thức tiếng Việt* đã học, em hãy cho biết thể nào là ẩn dụ? Thể nào là hoán dụ?

2. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu văn sau và chỉ ra tác dụng của nó:

a. “Những quả na nhắm nghiền mắt rồi mở mắt dần.”

b. “Bà hàng ra chọn mua đầy hai rổ sề, còn có vài quả chín nứt nở “như đe thợ rào” và những quả còi kính, chúng tôi chia nhau.”

3. Đọc lại đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở bên dưới:

Cây đu đủ cao vượt cái “trồng hoa”. Những tàu lá già, vàng, chúng tôi tha hồ cắt cuống mà thổi tu tu. Từng chùm quả. Quả nào cũng chỉ bằng cái chén rồi không nhìn nữa! Đói quá. Anh Thả và tôi cứ hái dần, bằm ra hết nhựa, gọt vỏ, cắt từng miếng, cho vào sanh luộc. Mỗi người ăn hai quả là no căng bụng. Hết nạc, vạc đến xương! Quả hết. Anh Thả chặt ngọn cây, nạo vỏ thân cây, tiện dần từng khúc. Anh lấy dao bìa thái nhỏ như sợi nem, vo lẫn với gạo, nấu thành “com trộn thân cây đu đủ”.

Em hãy xem xét câu “Hết nạc, vạc đến xương!” trong quan hệ về nghĩa với các câu khác trong đoạn văn trên và cho biết:

a. Các từ “nạc”, “xương” được dùng để chỉ các bộ phận nào trên cây đu đủ?

b. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn trên và tác dụng của biện pháp đó.

III. VIẾT NGẮN

Viết đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ nêu cảm nhận của em về các loài cây được tả trong VB. Trong đoạn văn có sử dụng biện pháp ẩn dụ.

IV. VIẾT

1. Nêu đặc điểm kiểu bài tả lại một cảnh sinh hoạt.

- Viết bài văn miêu tả cảnh sum họp cuối tuần (hoặc vào dịp lễ, tết) của gia đình em.

V. NÓI VÀ NGHE

- Việc trình bày về một cảnh sinh hoạt cần thực hiện theo mấy bước? Là những bước nào?
- Trình bày về một cảnh sinh hoạt mà em có dịp quan sát hoặc tham dự.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1, 2, 3.

Em hãy đọc lại mục *Tri thức đọc hiểu* trong SGK để tìm thông tin trả lời cho ba câu hỏi này.

4. a. HS cần trả lời được hai ý:

– Hình ảnh cây cối trong VB trên được miêu tả qua cảm nhận của tác giả khi còn nhỏ, theo ngôi kể “chúng tôi”.

– Mối liên hệ giữa người kể chuyện trong VB và tác giả Duy Khán là mối quan hệ gần gũi nhưng không đồng nhất hoàn toàn. Lí do: các sự kiện về tuổi thơ được Duy Khán kể lại khi ông đã trưởng thành, do đó có những khoảng cách về tuổi tác, thời gian và những khác biệt trong nhận thức, quan niệm,...

b. Nhan đề VB có thể là: *Vườn nhà*, hoặc *Cây trong vườn nhà*, *Người nhà và cây cối*,... Dựa vào ba đoạn, đoạn kể về cây mít, cây đu đủ, cây na (mãng cầu), ta có thể đặt tên cho các đoạn là: *Cây mít* (đoạn 1), *Cây đu đủ* (đoạn 2), *Cây na* (đoạn 3).

c. VB được trích trong đề bài có rất nhiều chi tiết thể hiện sự gắn bó, thân thiết giữa anh em của “tôi”, thầy u của “tôi” với mỗi loài cây trong vườn. Cách làm: em nên liệt kê các chi tiết theo ba nhóm:

– Nhóm 1: Những chi tiết thể hiện sự gắn bó của cả gia đình (bao gồm cả anh em của “tôi”, thầy u của “tôi”) với các loài cây trong vườn nhà.

– Những chi tiết thể hiện sự gắn bó mỗi người một kiểu giữa anh em của “tôi”, thầy u của “tôi” với các loài cây trong vườn nhà.

d. Để thực hiện bài tập này, em đọc lại VB và liệt kê được khoảng 3 chi tiết và nêu tác dụng (điền vào bảng sau):

Chi tiết có sự kết hợp giữa miêu tả và kể chuyện	Tác dụng
"Đến mùa, nó ra bao nhiêu quả. Cả nhà mừng."	
"Nhưng rồi rụng, chỉ còn một quả. Quả rất chóng lớn. Nó chín thơm. Cả nhà được bữa thòm thềm!"	
.....	

đ. Em hãy nêu một vài ý về cách cảm nhận của em về cây mít, cây đu đủ, cây na khi đọc VB. Sau đó, so sánh cách cảm nhận của mình với cách cảm nhận của tác giả.

e. Em nên thực hiện bài tập này theo 2 bước:

Bước 1: Xác định biện pháp nghệ thuật mà theo em là tác giả VB trên đã sử dụng phù hợp, thành công nhất;

Bước 2: Phân tích hiệu quả, tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy qua một số dẫn chứng cụ thể.

Lưu ý:

– Khi lựa chọn biện pháp nghệ thuật để phân tích, em cần nhớ rằng: Trong một VB tự sự, tác giả có thể sử dụng phối hợp nhiều biện pháp nghệ thuật. Mỗi độc giả có thể đánh giá cao hiệu quả, tác dụng của một biện pháp nghệ thuật nào đó theo cách cảm nhận của mình. Chẳng hạn, em có thể đánh giá cao biện pháp nhân hoá, bạn khác có thể đánh giá cao biện pháp so sánh, ẩn dụ, hoặc hoán dụ,...

– Khi phân tích “sự phù hợp, thành công” của biện pháp nghệ thuật mà mình đánh giá cao, em cần chỉ ra được tác dụng, hiệu quả của biện pháp nghệ thuật ấy trong việc thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả. Trong trường hợp này, em cần chỉ ra: biện pháp nghệ thuật mà em chọn phân tích đã góp phần làm cho việc thể hiện sự gắn bó thân thiết giữa người trong gia đình tác giả với cây cối trong vườn trở nên sáng rõ, sâu sắc, thấm thía như thế nào.

g. Để thực hiện bài tập này, em xem lại bài đọc các VB *Lao xao ngày hè* (Duy Khán), *Thương nhớ bầy ong* (Huy Cận), nhớ lại nội dung và cách trả lời câu hỏi 2, mục *Suy ngẫm và phản hồi* trong bài *Lao xao ngày hè* (SGK, Ngữ văn 6, tập một, tr. 115, 116).

II. TIẾNG VIỆT

1. Để trả lời câu hỏi này, em cần đọc lại mục *Tri thức tiếng Việt* trong SGK, từ đó, trả lời thế nào là ẩn dụ, thế nào là hoán dụ.

2. Các biện pháp nghệ thuật

a. Biện pháp nhân hoá.

b. Biện pháp so sánh.

3. Khi thực hiện bài tập này, em đọc lại thật kĩ đoạn văn được trích dẫn ở đầu bài tập 3. Đặc biệt lưu ý đoạn: “Hết nạc, vạc đến xương! Quả hết. Anh Thả chặt ngọn cây, nạo vỏ thân cây, tiện dần từng khúc. Anh lấy dao bằm thái nhỏ như sợi nem, vo lẫn với gạo, nấu thành “cơm trộn thân cây đu đủ”. Qua đó, đối chiếu, xác định từ “nạc”, ngầm chỉ bộ phận nào, “xương” ngầm chỉ bộ phận nào của cây đu đủ. Từ đó em có thể xác định biện pháp nghệ thuật dựa trên mối quan hệ về nghĩa giữa các từ “nạc”, “xương” trong câu “Hết nạc, vạc đến xương!” với các câu khác trước và sau nó. Lưu ý: “Hết nạc, vạc đến xương!” là một câu tục ngữ, đúc kết kinh nghiệm, cách thức hành động trong dân gian. Hiệu quả của biện pháp nghệ thuật ở đây có thể vì thế mà càng tăng thêm.

a. Nạc: chỉ quả đu đủ, xương: chỉ ngọn và thân cây đu đủ.

b. Biện pháp tu từ: ẩn dụ.

III. VIẾT NGẮN

Khi viết đoạn văn, em cần chú ý:

– Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn (đã học trong bài *Về đẹp quê hương*), về dung lượng của đoạn văn (150 chữ).

– Trình bày được cảm nhận của em về các loài cây được tả trong VB.

– Trong đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ.

IV. VIẾT

1. Em hãy tìm thông tin trong SGK (*Ngữ văn 6, tập một*, tr. 124) để trả lời câu hỏi về đặc điểm kiểu bài tả lại một cảnh sinh hoạt.

2. Trước khi làm bài tập này, em cần đọc lại và nắm chắc (1) Tri thức về kiểu bài tả cảnh sinh hoạt; (2) Phần hướng dẫn cách thực hiện bước Lập dàn ý; (3) tham khảo bài văn miêu tả phiên chợ nổi ở miền Tây Nam Bộ (SGK, *Ngữ văn 6, tập một*, tr. 125) và một số bài văn miêu tả khác, nếu có.

Cách thức lập dàn ý:

Em có thể bám sát dàn ý chung của bài văn miêu tả để phác thảo dàn ý cho bài văn theo yêu cầu của đề bài “Viết bài văn miêu tả cảnh sum họp cuối tuần (hoặc vào dịp lễ, tết) của gia đình em”. Chẳng hạn, lập một ma trận để vừa đối chiếu các ý chính cho Mở bài, Thân bài, Kết bài đối với đề bài trên. Tham khảo mẫu dưới đây:

	Dàn ý chung của bài văn miêu tả	Dàn ý bài tả cảnh sinh hoạt gia đình
Mở bài	<ul style="list-style-type: none">– Giới thiệu cảnh sinh hoạt được miêu tả (cảnh gì, ở đâu, vào thời điểm nào,...).	<ul style="list-style-type: none">– Giới thiệu cảnh sum họp cuối tuần của gia đình em (trong căn nhà thân yêu của gia đình).
Thân bài	<ul style="list-style-type: none">– Miêu tả quang cảnh không khí chung bằng một cái nhìn bao quát.– Miêu tả một số hình ảnh sinh hoạt cụ thể, nổi bật ở cự li gần.– Miêu tả và chỉ ra một vài dấu hiệu cho thấy sự thay đổi của sự vật trong bức tranh sinh hoạt theo thời gian, không gian.– Miêu tả một vài hình ảnh đáng nhớ nhất khi cảnh sinh hoạt khép lại.	<ul style="list-style-type: none">– Miêu tả chung quang cảnh không khí của căn phòng gia đình khi có mặt mọi người thân trong gia đình.– Miêu tả cụ thể: những hình ảnh thân thương, những cử chỉ, lời nói thân mật của những người trong gia đình (ba, má, anh/chị em,...) được quan sát, miêu tả vào những khoảnh khắc khác nhau, với một vài góc nhìn khác nhau: sự quây quần trong bữa cơm, quanh màn hình tivi,...– Miêu tả hình ảnh đáng nhớ nhất khi sinh hoạt gia đình tạm khép lại (gương mặt, hành vi đáng yêu của ai đó, hay câu nói, cử chỉ đáng nhớ,...).
Kết bài	<ul style="list-style-type: none">– Phát biểu cảm tưởng hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt.	<ul style="list-style-type: none">– Phát biểu cảm tưởng hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sum họp gia đình.

V. NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào SGK *Ngữ văn 6, tập một* (tr. 129) để trả lời câu hỏi.

2. Một số gợi ý cách thực hiện bài tập:

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Em có thể sử dụng những đề tài đã được gợi ý ở phần Viết. Các nội dung em cần tiếp tục xác định là: ai sẽ là người nghe em nói, em nói về cảnh sinh hoạt mình chọn với mục đích gì, em nói trong không gian nào, thời gian dành cho bài nói khoảng bao lâu.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Em đã chuẩn bị khi thực hiện bài viết cùng đề tài, vì vậy, em cần chuyển dàn bài của bài viết thành dàn bài của bài nói. Khi chuyển, cần cần nhắc:

- Nên nhấn mạnh hay lướt qua ý nào trong dàn bài.
- Trình bày lại các ý lớn ý nhỏ, chi tiết sao cho mạch lạc, gãy gọn.
- Chú ý chuẩn bị phần mở đầu và phần kết sao cho hấp dẫn bằng cách sử dụng các phương tiện trực quan như tấm ảnh, một bức tranh, một câu thơ, lời hát,... liên quan đến cảnh sinh hoạt để mở đầu bài nói.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Trước khi nói em nên tự tập nói một mình hoặc nói cho ai đó nghe để kiểm tra xem khả năng dùng từ, đặt câu, giọng nói của mình có vấn đề cần điều chỉnh không. Việc luyện tập nhiều hay ít, luyện nói toàn bài hay chỉ tập trung vào một nội dung cụ thể nào đó là tùy thuộc vào kĩ năng nói của em tại một thời điểm cụ thể. Tuy vậy, có luyện tập đúng cách và kĩ lưỡng thì khi nói mới tự tin. Trong luyện tập, em nên chú ý lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với văn nói, lựa chọn cách nói, giọng nói sao cho tự nhiên, truyền cảm, tập cảm nhận về tốc độ, tuân thủ thời gian cho phép,...

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Em cần đặt mình vào cả vai trò người nói lẫn vai trò người nghe để đánh giá bài nói của mình lẫn bài nói của các bạn khác. Việc tự đánh giá và đánh giá là cơ hội để mọi người cùng tiến bộ trong học tập.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: THÁI HỮU DƯƠNG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: THANH HẢI – THANH NGÀ

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BÀI TẬP NGỮ VĂN 6 - TẬP MỘT

Mã số: G2BH6V001M21

In bản, (QĐ) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 525-2021/CXBIPH/3-324/GD

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-26636-1

Tập hai: 978-604-0-26637-8

